

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7964 /BTC-PC

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2025

V/v xin ý kiến thẩm định dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số
31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Chương trình xây dựng lập pháp năm 2025 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng, trình Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Tờ trình số 331/TTr-BTC ngày 08/5/2025). Theo đó, Ủy ban Kinh tế và Tài chính đã có Báo cáo thẩm tra số 381/BC-UBKTTC15 ngày 16/5/2025. Ngày 17/5/2025 và ngày 23/5/2025, Đại biểu Quốc hội đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật này.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, trên cơ sở ý kiến thẩm tra và ý kiến của ĐBQH, Bộ Tài chính đã phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó có đại diện của Bộ Tư pháp để rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và cơ bản đã đạt được sự đồng thuận trong các nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án Luật. Theo đó, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ và Chính phủ đã có Báo cáo số 474/BC-CP ngày 06/6/2025 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Theo chương trình, dự án Luật này dự kiến sẽ được Quốc hội biểu quyết thông qua trong ngày 17/6/2025. Để kịp thời triển khai Dự án Luật nêu trên, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp¹.

Tại công văn số 5013/VPCP-PL ngày 06/6/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo các luật trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 khẩn trương rà soát, soạn thảo văn bản quy định chi tiết, gửi Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn

¹ Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025

đối với các văn bản quy quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9.

Để đảm bảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP có hiệu lực cùng thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều được thông qua và đảm bảo tiến độ trình Chính phủ ký ban hành (dự kiến ngày 18/6/2025), căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

(Hồ sơ gửi kèm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị định; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PC (04b).



TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật Đầu tư**

**PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH
BỘ TƯ PHÁP**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật/ Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực*”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu các nhiệm vụ và giải pháp như sau: “*Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước*”; “*tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*...”.

- Khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh, theo đó, “*Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản*

hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.”

Ngoài ra, điểm a khoản 1 Mục II Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ quy định: “*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bộ, ngành trung ương chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC, kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm sau sắp xếp ĐVHC, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý.*”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu các nhiệm vụ và giải pháp như sau: “*Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước*”; “*tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi...*”.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó, mục tiêu năm 2025 là “*Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ...*”.

2. Cơ sở pháp lý

- Ngày 17/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Luật sửa 7 Luật), trong đó Luật Đầu tư đã giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 33); hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 35), hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 36); điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 38).

Ngoài ra, tại Điều 5 của Luật sửa 7 Luật, Luật Đầu tư đã sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư (Điều 16), chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với một số hoạt động đầu tư (Điều 20) trong lĩnh vực khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; quy định về thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với một số dự án đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Điều 22) để tiếp tục tạo cơ chế vượt trội, đột phá, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

- Theo công văn số 5013/VPCP-PL ngày 06/6/2025 về Quyết định ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật, Nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Tài chính được phân công chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh

a) Trong bối cảnh đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư của các dự án trong các lĩnh vực công nghệ cao và yêu cầu phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ vượt trội đối với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian thực hiện, đẩy nhanh tiến độ đầu tư và tăng thời hạn hoạt động của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp công nghệ cao và các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa 7 Luật) đã quy định một số chính sách: (i) *không yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế khi thực hiện các dự án này;* (ii) *bổ sung quy định để tăng thời hạn hoạt động của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung;* (iii) *bổ sung quy định về các trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ số;* (iv) *giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*

Vì vậy việc quy định chi tiết để hướng dẫn thực hiện các nội dung nêu trên, trong đó tiếp tục đơn giản hoá một số quy trình, thủ tục đầu tư, giảm đầu mục hồ sơ và số bộ hồ sơ, cắt giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính là cần thiết nhằm bảo đảm tính khả thi trong việc thực hiện quy định, đồng thời thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư.

b) Để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, dự thảo Luật sửa 7 Luật đã phân cấp 07 nhóm dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính

phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹. Trên cơ sở đó, để đảm bảo công tác quản lý nhà nước về đầu tư sau khi đã thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư để bổ sung quy định về *kiểm tra tổng thể dự án đầu tư và kiểm tra dự án đầu tư* nhằm tăng cường trách nhiệm hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại trung ương và địa phương.

Để triển khai có hiệu quả các quy định nêu trên, cần bổ sung quy định về *kiểm tra tổng thể dự án đầu tư và kiểm tra dự án đầu tư* tại dự thảo Nghị định để tăng cường trách nhiệm hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại trung ương và địa phương, đồng thời nhằm phân định cụ thể với nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư đang được thực hiện tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

c) Luật sửa đổi 7 Luật đã bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Luật Nhà ở về việc “*phải xác định trong chủ trương đầu tư dự án trách nhiệm đầu tư, xây dựng và quản lý, sử dụng sau đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng*”.

Trên cơ sở đó, cần sửa đổi quy định tại về nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị liên quan đến việc đánh giá *sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án* để đảm bảo tính tương thích, đồng bộ, đơn giản hoá thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

d) Thực hiện nội dung Kết luận thanh tra số 29/10/2024 của Thanh tra Chính phủ về trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý một số quy định về thời hạn hoàn thành thẩm định của Thủ tướng Chính phủ (khoản 6 Điều 32), thời hạn lấy ý kiến thẩm định (Điều 32, 33, 48, 55) và số lượng bộ hồ sơ phải nộp (tất cả các điều về trình tự, thủ tục).

2.2. Về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư

Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định về Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó, địa bàn ưu đãi đầu tư được xác định đối với đơn vị hành chính cấp Huyện của 54 địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, gồm cấp tỉnh và cấp xã, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, việc

¹ Bao gồm: i) Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác; ii) Dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên; iii) Dự án đầu tư mới kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; iv) Dự án đầu tư chế biến dầu khí; v) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị không phân biệt quy mô sử dụng đất hoặc quy mô dân số; vi) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I; vii) Dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên

xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo đơn vị hành chính cấp Huyện không còn phù hợp. Do vậy, Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cần được sửa đổi, quy định theo đơn vị hành chính cấp xã để đảm bảo thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư theo địa bàn được thông suốt, liên tục, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư và sự ổn định của môi trường đầu tư kinh doanh.

Ngoài ra, Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định nguyên tắc về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư trong trường hợp đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính (chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau. Tuy nhiên, quy định này được áp dụng đối với đơn vị hành chính cấp huyện và chưa thực sự phù hợp với chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để quy định nguyên tắc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

2.3. Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư

Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư đã bao gồm một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ, khoa học công nghệ... Các chính sách, quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư nêu trên đã góp phần thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong suốt thời gian qua. Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử - bán dẫn - vi mạch, phục vụ cho máy móc điện tử và chuyển đổi số, xu thế dịch chuyển nguồn cung ứng đang diễn ra trên thế giới và trong khu vực, các tập đoàn công nghệ thế giới đang có xu hướng tìm đến những địa điểm phù hợp hơn để đặt cơ sở sản xuất, nghiên cứu. Cơ hội lớn đang được mở ra với Việt Nam, tuy nhiên, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao đang là một điểm nghẽn lớn hiện nay trong thu hút các tập đoàn công nghệ lớn chuyển dịch địa điểm đầu tư nghiên cứu, phát triển, sản xuất sang Việt Nam.

Để triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia việc bổ sung hoạt động, cần sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư để bổ sung một số ngành, nghề trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực là ngành, nghề ưu đãi đầu tư như hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược; đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược...

2.4. Về thời hạn hoạt động dự án đầu tư

- Theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư gồm: *Dự án sử dụng máy móc, thiết bị để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm hoặc khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường... Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.*

Thực tiễn quản lý cho thấy, trong mỗi dự án đầu tư đều có rất nhiều máy móc, thiết bị khác nhau (cả về số lượng, chủng loại, mục đích sử dụng) và có thể được thay đổi, cải tiến, nâng cấp trong suốt quá trình hoạt động của dự án; không phải mọi máy móc, thiết bị trên 10 năm tuổi nào cũng thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. Đồng thời, việc yêu cầu phải xem xét đến từng máy móc, thiết bị thuộc Chương 84, 85 trong cả dự án khi dự án sắp hết thời hạn sẽ rất khó thực hiện đối với các cơ quan liên quan, đồng thời gây tổn kém cho doanh nghiệp trong việc phải giám định từng máy móc, thiết bị.

Mặt khác, đến nay Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành được hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; dẫn đến không có cơ sở để đánh giá máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư.

Do đó, cần thiết xem xét bỏ quy định về máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm và thực hiện việc quản lý trong quá trình xem xét, cho phép nhập khẩu từng trang thiết bị cụ thể để thực hiện dự án và việc quản lý về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường. Các dự án sau khi được gia hạn thời hạn hoạt động nhưng có vi phạm về môi trường thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (buộc tạm ngừng để khắc phục hoặc chấm dứt hoạt động).

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư, đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nhà đầu tư chậm được bàn giao đất thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động, **tiến độ thực hiện** của dự án đầu tư.

Hiện nay, quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chỉ quy định việc tính thời hạn hoạt động của dự án kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất hoặc từ ngày bàn giao đất trên thực địa trong trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất mà chưa quy định việc **tính tiến độ thực hiện** của dự án đầu tư kể từ các thời điểm nêu trên, làm ảnh hưởng đến khả năng triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chậm được bàn giao đất.

Do vậy, cần sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để bổ sung quy định về việc tính tiến độ thực hiện của dự án kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất hoặc từ ngày bàn giao đất trên thực địa trong trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

- Quy định chi tiết, đầy đủ các điều, khoản của Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm Nghị định có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật

- Cập nhật, triển khai các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để bảo đảm tính đồng bộ và tính khả thi của quy định pháp luật.

- Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt trong việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Bám sát các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật Đầu tư, bảo đảm các quy định được triển khai trên thực tế.

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định về thủ tục đầu tư đã áp dụng ổn định, phát huy hiệu quả trên thực tế và vẫn bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư.

- Thể chế hoá các quan điểm chỉ đạo của Đảng đã nêu tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII và các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư² về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; cụ thể các quy định của Hiến pháp năm 2013 (sau khi sửa đổi, bổ sung) về tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định còn mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu

² Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

tư, sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị định và lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan tại công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 về dự thảo Nghị định.

- Ngày 5/6/2025, Bộ Tài chính đã tổ chức họp, làm việc với các Ban quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhà đầu tư về dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến các đối tượng quan tâm.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số ... ngày ..., ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định có 03 Điều, trong đó:

- **Điều 1:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- **Điều 2:** Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Nghị định của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

- **Điều 3:** Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Về việc quy định chi tiết các nội dung giao Chính phủ hướng dẫn tại Luật Đầu tư (sửa đổi), kết hợp với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính

Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật sửa 7 Luật) giao Chính

phù quy định chi tiết về hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 33); hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 35), hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 36); điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 38).

Trên cơ sở đó, cùng với việc đảm bảo chủ trương phân cấp, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung các quy định tương ứng tại các Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đề quy định một số nội dung sau:

- Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng lược bỏ nội dung về *sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phân hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương đối với dự án khu đô thị, nếu có* để đơn giản hoá thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ³, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư⁴, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

- Bổ sung quy trình, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên như sau:

+ Nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại địa phương nơi đề xuất sử dụng phần lớn diện tích sử dụng đất hoặc nơi đầu tư xây dựng công trình chính của dự án hoặc nơi thực hiện phần lớn hoạt động của dự án đầu tư được thực hiện tại địa phương đó;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan làm cơ sở để xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư cho toàn bộ dự án đầu tư.

+ Đối với dự án có đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền

³ như lược bỏ một số tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có),...).

⁴ Từ 04 bộ xuống còn 01 bộ hồ sơ.

sử dụng đất hoặc đấu thầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về đấu thầu.

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và để triển khai thực hiện dự án.

- Bổ sung quy định về kiểm tra tổng thể dự án đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư để tăng cường trách nhiệm hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan đăng ký đầu tư, đảm bảo hiệu quả của việc phân cấp, phân quyền.

2.2. Về việc cập nhật, triển khai tại dự thảo Nghị định các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật Đầu tư về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Các Điều 15, 16, 20, 22 Luật Đầu tư (sửa đổi) đã bổ sung một số đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm hoạt động đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; quy định về thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với một số dự án đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Điều 22).

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư để bổ sung ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực;

- Bổ sung quy định tại Điều 63 về việc thành lập tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư. Theo đó, tổ chức kinh tế này phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư và chỉ được điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp để bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh khác sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

2.3. Về việc sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến địa bàn ưu đãi đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để quy định nguyên tắc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì tiếp tục được xác định là địa

bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn

- Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì xác định như sau:

+ Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng;

+ Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

+ Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ trên cơ sở chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau thực hiện xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo các nguyên tắc nêu trên.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư cấp xã và gửi thông tin về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

2.4. Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định đang gây khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh

- Lược bỏ quy định dự án sử dụng máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm và bỏ nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; bổ sung dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (xác định tại thời điểm thực hiện thủ tục gia hạn hoạt động dự án đầu tư) vào nhóm dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư tại khoản 10 Điều 27 dự thảo Nghị định.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP để quy định

về việc tính tiến độ thực hiện của dự án kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất hoặc từ ngày bàn giao đất trên thực địa trong trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất.

- Bổ sung quy định chuyển tiếp để hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng thứ cấp trong khu đô thị quy định theo tại khoản 3a Điều 77 Luật Đầu tư.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Để bảo đảm triển khai thi hành Nghị định sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

VII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan. Để đảm bảo Nghị định có hiệu lực đồng thời với Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, kính đề nghị Chính phủ sớm xem xét, thông qua dự thảo Nghị định.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư *(Kèm theo Tờ trình gồm: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo thẩm định số ... ngày ... của Bộ Tư pháp; (iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về dự thảo Nghị định; (v) Bản chụp ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định)*.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, PC (04).

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI TRƯỞNG



Lê Tấn Cận

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc sắp xếp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và sắp xếp xã, phường, thị trấn trong năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 2 như sau:

“7. Hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư là hồ sơ do nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, bao gồm bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1a Điều 6 Nghị định này để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các thủ tục có liên quan khác để thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này”.

2. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

“1a. Khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này, nhà đầu tư nộp bản điện tử của hồ sơ theo quy định như sau:

a) Bản điện tử của hồ sơ phải được ký xác thực bằng chữ ký điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và có giá trị pháp lý như hồ sơ bản giấy đã nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư, Bộ Tài chính;

b) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, thống nhất và đầy đủ của nội dung hồ sơ bản giấy và bản điện tử đã nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư, Bộ Tài chính. Trường hợp có sự khác nhau giữa hồ sơ bản giấy và bản điện tử, nội dung hồ sơ bản giấy có giá trị pháp lý cuối cùng;

c) Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm công khai địa chỉ tiếp nhận bản điện tử của nhà đầu tư trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại địa phương.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Xác định địa bàn ưu đãi đầu tư

Việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như sau:

1. Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

2. Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

3. Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì xác định như sau:

a) Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số đơn vị hành chính cấp xã đang hường;

b) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

d) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng

nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ trên cơ sở chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau thực hiện xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và gửi thông tin về Bộ Tài chính.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 44 Luật Đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất cấp xã theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn.”.

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu và một số điểm của khoản 10 như sau:¹

c.1) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu như sau:

“Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được ~~điều chỉnh~~, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư gồm:”;

c.2) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

¹ Nội dung sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ tại công văn số 2066/BKHCN-ĐTC ngày 01/6/2025 theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 3908/VPCP-CN ngày 06/5/2025

“b) Dự án sử dụng máy móc, thiết bị không bố trí thành dây chuyền công nghệ để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường hoặc công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị còn dưới 85% so với công suất, hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng vượt quá 15% so với thiết kế. Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.”.

c.3) Bổ sung điểm c vào sau điểm b như sau:

“c) Dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyên giao từ nước ngoài vào Việt Nam và trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung;”.

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu, điểm a và điểm b khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các điểm c, d và đ khoản 5 Điều này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm trong thời hạn 15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 10 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên thì Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục sau:

a) Thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư về việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản này trong thời hạn 18 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 12 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên. Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư không xem xét và trả lại hồ sơ của các nhà đầu tư khác (nếu có) nộp sau thời hạn 15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 10 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên;

b) Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng tại Điều 32 hoặc Điều 33 của Nghị định này trên cơ sở đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên. Trường hợp đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định này thì

thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt đề xuất dự án đầu tư của từng nhà đầu tư tiếp theo;”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau:

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư;

d) Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); cơ quan tổ chức đấu giá; cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.

2. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức đấu thầu thì các cơ quan này lập báo cáo kết quả mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này. Quyết định chấp thuận nhà đầu tư được gửi cho Bộ Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư), cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.

3. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu kinh tế gồm: văn bản đề nghị

chấp thuận nhà đầu tư; tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này;

b) Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan theo quy định tương ứng tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu kinh tế;

d) Ban quản lý khu kinh tế chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;

đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

h) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:

a) Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

3. Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này gồm:

a) Giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;

d) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu

tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng, đề xuất dự án đầu tư gồm:

a) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này; thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội.

Đối với dự án khu đô thị, trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền được nộp hoặc sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này, dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có) đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này gồm:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

a) Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

b) Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu

chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

c) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

7. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan đến mục tiêu hoạt động và nội dung đề xuất dự án đầu tư.

Khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của các quy hoạch này.

b) Đánh giá nhu cầu sử dụng đất;

c) Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);

đ) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

e) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội;

g) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

h) Căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này.

8. Việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch đó được thực hiện trên cơ sở đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại

điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch về việc thực hiện quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và Nghị quyết của Chính phủ ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào các quy hoạch này;

b) Trường hợp các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm a khoản này hết thời hạn trước khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt thì quy hoạch đó được kéo dài thời hạn cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt;

c) Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

9. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư gồm:

a) Các nội dung thẩm định quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7 Điều này;

b) Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

d) Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Căn cứ pháp lý, điều kiện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này;

e) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản).

10. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này. Trường hợp pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản có quy định về cơ quan được lấy ý kiến thẩm định và nội dung lấy ý kiến thẩm định thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều 31 của Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính.”.

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 5 như sau:

“Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 7 hoặc khoản 9 Điều 31 của Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

“b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô (sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có), thời hạn hoạt động của dự án;”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 33 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư;

Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Tài chính trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan tại địa phương có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định tại khoản 7 hoặc khoản 9 Điều 31 của Nghị định này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu

tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

Trường hợp dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này đối với nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

d) Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 7 hoặc khoản 9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định này”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 31 của Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan tại địa phương có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó quy định tại khoản 7 hoặc khoản 9 Điều 31 Nghị định này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 7 hoặc khoản 9 Điều 31 của Nghị định này và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 của Nghị định này.”.

đ) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư lựa chọn thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại địa phương nơi đề xuất sử dụng phần lớn diện tích sử dụng đất hoặc nơi đầu tư xây dựng công trình chính của dự án hoặc nơi thực hiện phần lớn hoạt động của dự án đầu tư tại địa phương đó;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan làm cơ sở để xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư cho toàn bộ dự án đầu tư.

c) Đối với dự án có đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về đấu thầu.

d) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và để triển khai thực hiện dự án.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế;”.

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 34 như sau:

“3a. Trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án đầu tư, Sở Tài chính hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nơi dự án được chuyển đến có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;

c) Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;

d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này (nếu có).”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ;”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 45 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư”.

Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Tài chính trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.”.

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và d khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;

c) Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư, Cơ quan chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Đầu tư, các Sở, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính hoặc nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư, trong đó văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được thay thế bằng văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi Cơ quan đăng ký đầu tư;

d) Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư;

e) Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư ghi nhận nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, phần dự án chuyển nhượng (nếu có)

và được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư, các cơ quan nhà nước có liên quan, nhà đầu tư chuyên nhượng và nhà đầu tư nhận chuyên nhượng.”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 50 như sau:

“a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính hoặc 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này (nếu có);”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này (nếu có);”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc điều chỉnh dự án đầu tư khi tổ chức lại làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Tài chính hoặc 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án để điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư.”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 52 như sau:

“5. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc góp vốn làm thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư góp vốn nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Tài chính hoặc 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này.

Trường hợp góp một phần quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư thì nhà đầu tư góp vốn không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.”.

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 53 như sau:

“a) Trường hợp việc hợp tác kinh doanh làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính hoặc 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này;”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 như sau:

“2. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 27 của Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Tài chính hoặc Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm nộp hồ sơ; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4, khoản 10 Điều 27 của Nghị định này;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định này;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4, khoản

10 Điều 27 của Nghị định này để lập báo cáo thẩm định trình cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

e) Đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng tại các điểm b, c, d và đ khoản này để gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.”.

20. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 63 như sau:

“1a. Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư và chỉ được điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp để bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh khác sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Nghị định này.”.

21. Bổ sung Điều 105a vào sau Điều 105 như sau:

“Điều 105a. Kiểm tra tổng thể đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư

1. Trách nhiệm kiểm tra tổng thể đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư

a) Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan thực hiện kiểm tra tổng thể đầu tư và kiểm tra dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

b) Sở Tài chính kiểm tra dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư

a) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư và quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư;

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư của cả nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các địa phương, các dự án đầu tư theo phân cấp bao gồm: tình hình thu hút đầu tư; việc thực hiện các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch; việc thực hiện các quy định trong lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo phân cấp; việc thực hiện các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và triển khai thực hiện dự án đầu tư;

c) Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư;

d) Việc thực hiện các kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm và vi phạm pháp luật về đầu tư.

3. Nội dung kiểm tra dự án đầu tư

- a) Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);
- b) Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án;
- c) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có);
- d) Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, tài nguyên khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định;
- e) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

4. Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra

- a) Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch Kiểm tra của bộ, ngành, địa phương, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 11 để theo dõi, tổng hợp.
- b) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch kiểm tra trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

5. Trình tự, thủ tục kiểm tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ

- a) Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập đoàn kiểm tra;
- b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra;
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra;
- d) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

đ) Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; kiến nghị các biện pháp xử lý hoặc kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

6. Việc giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.”.

22. Bổ sung Điều 117a vào sau Điều 117 như sau:

“Điều 117a. Chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng thứ cấp trong khu đô thị quy định theo tại khoản 3a Điều 77 Luật Đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 5 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản/tài liệu về dự án đầu tư.

2. Thủ tục chuyển nhượng dự án

a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo bản điện tử của hồ sơ cho Sở Tài chính;

b) Trường hợp dự án chuyển nhượng thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Tài chính xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3a Điều 77 của Luật Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng theo quy định tương ứng tại Điều 33 của Nghị định này.

c) Trường hợp dự án chuyển nhượng không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3a Điều 77 của Luật Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc chuyển nhượng.

d) Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận chuyển nhượng cho Sở Tài chính để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.”

23. Bổ sung các số thứ tự 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 vào sau số thứ tự 8 Mục A.I của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như sau:

“9. Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

10. Sản xuất sản phẩm phần mềm; phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo.

11. Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản

phẩm chip bán dẫn.

12. Xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

13. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

14. Dự án đầu tư về lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung;

15. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

16. Hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số.

17. Hoạt động sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất.”.

24. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 8 Mục A.IV của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như sau:

“8. Đầu tư kinh doanh trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy dân lập; điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy cộng đồng tại cấp xã;

25. Bổ sung các số thứ tự 21 và 22 vào sau số thứ tự 20 Mục B.I của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như sau:

“21. Sản xuất sản phẩm công nghệ số.

22. Cung cấp dịch vụ công nghệ số.”.

26. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 1 và 8 Mục B.IV của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như sau:

“1. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.”

“8. Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp xã, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.”

27. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 55 Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục III như sau:

STT	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
-----	------	---	--

55		Khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung	Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ
----	--	--	---

Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

1. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại Nghị định này.

2. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Nghị định này.

3. Thay thế toàn bộ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại Nghị định này.

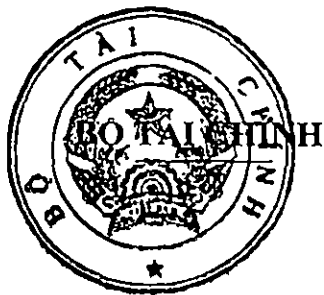
Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2025

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan lập đề xuất chính sách/cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn/phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được.

Ngày 02/6/2025, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 7626/BTC-PC lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bộ Tài chính đã nhận được 19 văn bản tham gia ý kiến (03 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 13 địa phương, 03 Hiệp hội, hội, doanh nghiệp, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ), trong đó: 07 đơn vị nhất trí hoàn toàn, không có đơn vị không có ý kiến tham gia.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Ý kiến chung			
		Bộ Nội vụ, Đài Tiếng nói Việt Nam	Thống nhất với sự cần thiết xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định.	
		Đài Truyền hình	Nhất trí dự thảo	

			gọi, trình tự, thủ tục và thẩm quyền sau hợp nhất.	hồ sơ, cắt giảm 30% số ngày giải quyết thủ tục hành chính. Dự thảo Nghị định đã sửa đổi tên gọi của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị định sau khi được ban hành, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Đề bảo đảm triển khai thi hành Nghị định sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.
	Về căn cứ pháp lý	STC Điện Biên	Đề nghị sửa bổ sung ngày tháng năm ban hành của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; bổ sung cơ quan ban hành và không viết tắt ngày tháng năm ban hành của Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.	Tiếp thu ý kiến Dự thảo Nghị định sẽ bổ sung khi Luật sửa 7 Luật được thông qua.
II	Ý kiến cụ thể			

			đất, tuy nhiên trong thực tế có rất nhiều nhà đầu tư không tích cực trong công tác GPMB, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, do vậy dẫn đến việc thời hạn hoạt động của dự án nếu lấy mốc là từ ngày có quyết định giao đất thì có thể kéo dài lên trên 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư. Do vậy, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp, có giải pháp đối với các nhà đầu tư không tích cực.	tư, do vậy, quy định tại khoản 1 Điều 27 là phù hợp với quy định của Luật. Bên cạnh đó, theo quy định tại Luật Đất đai, quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu về đất đai bao gồm Quyết định thu hồi đất (Điều 13); nội dung quản lý nhà nước về đất đai bao gồm giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, công nhận quyền sử dụng đất, trưng dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Điều 20)... Do vậy, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trong việc thu hồi, giải phóng mặt bằng... Việc quy định thời hạn dự án được xác định từ thời điểm có quyết định giao đất hoặc bàn giao đất trên thực địa để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
	Khoản 5 Điều 1 dự thảo	STC Thuận Bình	<u>Về cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định</u> Đề nghị chỉnh sửa thành: <i>"6. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: ...</i> <i>b) Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không</i>	Tiếp thu tại dự thảo.

			vị hành chính cấp tỉnh có sự thay đổi do thực hiện sắp xếp lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như thế nào? (ii) Cơ quan đăng ký đầu tư có được tiếp tục đánh giá nội dung quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh cũ đã được phê duyệt trong khi quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới chưa được phê duyệt không? (iii) Nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu...) của đơn vị hành chính cấp huyện cũ với quy hoạch đô thị của đơn vị hành chính cấp xã mới thì sẽ được thực hiện như thế nào? (iv) Đối với dự án đầu tư nằm tại khu vực nông thôn thì có phải thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 không?	
	Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo khoản 22 Điều 1 dự thảo	STC Thuận	Bình Đề xuất sửa đổi Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP như sau: - Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Đặc khu Phú Quý; - Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Các xã Vĩnh Hảo, Liên Hương, Tuy Phong, Phan Rí Cửa, Bắc Bình, Hồng Thái, Hải Ninh, Phan Sơn, Sông Lũy, Lương Sơn, Hòa Thắng, Đông Giang, La Dạ, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hồng Sơn,	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh căn cứ quy định này để công bố địa bàn ưu đãi đầu tư sau khi đã được chính thức phê duyệt các xã do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

			4. Đề nghị rà soát chỉnh sửa cách tính thời hạn thực hiện các thủ tục theo hướng quy định đối với thời hạn dưới 10 ngày tính theo “ngày làm việc”; từ 10 ngày trở lên tính theo “ngày” để bảo đảm tính thống nhất của văn bản. 5. Đề nghị rà soát để sử dụng thống nhất cụm từ “Bản sao hợp lệ” để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.	
Điều 1 dự thảo - Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư	STC Điện Biên	Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư tại Phụ lục III: đối với tỉnh Điện Biên đề nghị sửa đổi nội dung thành “Toàn bộ các xã, phường trên địa bàn tỉnh”.	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh căn cứ quy định này để công bố địa bàn ưu đãi đầu tư sau khi đã được chính thức phê duyệt các xã do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp Việc ban hành ngay Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã tại Nghị định này chưa đảm bảo tính cập nhật kịp thời với việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trên thực tế	
Điều 2 dự thảo	STC Điện Biên	Đề nghị sửa như sau để bảo đảm thống nhất giữa tên Điều và nội dung của Điều: “Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Kế hoạch Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính”, cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ	Tiếp thu tại dự thảo như sau: Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị định của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 1. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại Nghị định này. 2. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Nông nghiệp và	

			Ba Gia, Sơn Tĩnh, Thọ Phong, Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Tây Trà, Cà Đam, Thanh Bồng, Tây Trà Bồng, Sơn Hạ, Sơn Linh, Sơn Hà, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Tây, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây Hạ, Minh Long, Sơn Mai, Ba Vi, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Tơ, Ba Vinh, Ba Động, Ba Xa, Đặng Thùy Trâm và đặc khu Lý Sơn. - Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, gồm có các xã: Nghĩa Hành, Đình Cương, Thiện Tín, Phước Giang.	cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh căn cứ quy định này để công bố địa bàn ưu đãi đầu tư sau khi đã được chính thức phê duyệt các xã do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Việc ban hành ngay Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã tại Nghị định này chưa đảm bảo tính cập nhật kịp thời với việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trên thực tế
		STC Thái Nguyên	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thống nhất đơn vị chỉ thời gian trong cùng một thủ tục hành chính (sửa “ngày” thành “ngày làm việc”) để thuận lợi cho việc hẹn ngày trả kết quả và tránh các trường hợp vào các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.	Thời hạn thực hiện các thủ tục được quy định thống nhất như sau: đối với thời hạn dưới 07 ngày tính theo “ngày làm việc”; từ 07 ngày trở lên tính theo “ngày”.
		STC Lai Châu	- Tại điểm b khoản 7 Điều 1 về sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: Đề nghị thay thế cụm từ “Sơ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sơ Tài chính”. - Tại Điều 1: Đề xuất bổ sung 01 khoản vào Điều 2 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP về giải thích từ ngữ “trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư”.	- Tiếp thu tại dự thảo Nghị định. Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (dự kiến tháng 10/2025)
	Chấp thuận chủ trương đầu tư	STC Ninh Bình	Đề nghị bổ sung quy định, hướng dẫn cụ thể về việc chấp thuận đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội có phạm vi bao gồm một phần diện tích đất đang do nhà nước quản lý cùng tài sản công còn giá trị trên sổ sách kế toán, để đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai, Luật quản lý và sử dụng tài sản công và hệ thống văn bản pháp luật	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (dự kiến tháng 10/2025)

			đến việc tiến độ thực hiện dự án chấp thuận lần đầu cũng như khi điều chỉnh không có cơ sở để xác định thời gian cụ thể, thực tế có những dự án đề nghị tiến độ điều chỉnh thêm 20-30 năm, rất khó cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm định. Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung trên vào Nghị định.	điều chỉnh tiến độ thêm 20-30 năm như ý kiến của Sở Tài chính Ninh Bình có thể chưa chính xác, khó xảy ra trên thực tế.
	Điều chỉnh dự án	STC Ninh Bình	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể việc thực hiện điều chỉnh dự án đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư dự án không đề nghị cấp GCNĐKĐT, tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án có một số nội dung cần điều chỉnh dự án nhưng không thuộc các trường hợp phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư (ví dụ thay đổi tổng vốn đầu tư dưới 20%, kéo dài tiến độ không vượt quá 12 tháng) để các cơ quan quản lý nhà nước có thể theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án của Nhà đầu tư hoặc để triển khai các công việc tiếp theo của dự án như cập nhật tổng vốn đầu tư khi thay đổi suất vốn đầu tư làm căn cứ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá đầu thầu.	Theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, <i>khi điều chỉnh nội dung dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) theo quy định tại Điều 47 của Nghị định này.</i> Căn cứ quy định nêu trên, nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư mà thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) khi điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư. Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP không quy định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp này. Do vậy, đề nghị nghiên cứu thực hiện việc điều chỉnh

				<i>thời hạn hoạt động của dự án đầu tư mà nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật thì được xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư...</i> - Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.
	Điều d khoản 2 Điều 31 Nghị định	STC Cao Bằng	Đề nghị hướng dẫn, quy định rõ hơn về “<i>bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm</i>”. Một số ý kiến cho rằng văn bản thỏa thuận địa điểm trong trường hợp này yêu cầu phải đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới đủ điều kiện nộp hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư.	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (dự kiến tháng 10/2025)
	Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư	STC Cao Bằng	a) Sự phù hợp với quy hoạch - Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (chung của xã). Các quy hoạch cấp trên như quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thì cơ bản mang tính định hướng, phạm vi, vị trí địa điểm dự án được nêu rõ sẽ theo quy hoạch cấp dưới, quy hoạch sử dụng đất. Đề dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư thì tại các địa phương hiện nay đều phải đối chiếu cụ thể với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung xây dựng xã (trường hợp tại nông thôn). Do đó, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, hướng dẫn phương thức đánh giá với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng là cần phù hợp tới mức độ nào, theo chỉ tiêu sử dụng đất, theo danh mục, theo định hướng hay phải phù hợp với ranh giới, phạm vi thể hiện trên	- Dự thảo Nghị định đã quy định việc đánh giá sự phù hợp với quy hoạch theo nguyên tắc sau: “Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan đến mục tiêu hoạt động và nội dung đề xuất dự án đầu tư. Khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của các quy hoạch này.”

			ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện (khoản 8 mục IV Phần A quy định “Đầu tư kinh doanh trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy dân lập; điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy cộng đồng tại cấp huyện;”; khoản 8 mục IV Phần B quy định “Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp huyện, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.”).	
		STC Điện Biên	Bổ sung quy định yêu cầu công khai đầy đủ thông tin liên quan đến các chính sách hỗ trợ đầu tư, bao gồm tiêu chí, quy trình, kết quả xét duyệt... trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp để tăng tính minh bạch, tạo lòng tin cho nhà đầu tư.	Điều 8 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định về trách nhiệm công bố và cung cấp thông tin về dự án đầu tư
		STC Điện Biên	Về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: đề nghị nộp bằng hình thức điện tử, trừ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. .. tương tự như dự án đầu tư công, để số hóa hồ sơ, thực hiện chuyển đổi số	Tiếp thu tại dự thảo theo hướng bổ sung bản điện tử đã được ký xác thực bằng chữ ký điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử
		STC Điện Biên	Về chế độ báo cáo GSDG và báo cáo định kỳ: chỉ nên quy định báo cáo GSDG trong giai đoạn thực hiện đầu tư và trước khi điều chỉnh dự án, bỏ báo cáo GSDG trong giai đoạn vận hành ... bỏ báo cáo	Chế độ báo cáo định kỳ của nhà đầu tư được quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư, theo đó <i>hàng quý, hàng năm, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư và cơ</i>

			nội dung đánh giá nhu cầu sử dụng đất; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại thời điểm thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư. Do đó, khi được lấy ý kiến thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai sẽ không đánh giá, thẩm định đối với nội dung này. Đồng thời, hướng dẫn thêm về tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư (so với tổng vốn đầu tư), vốn huy động để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.	Các điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được quy định tại Điều 122 Luật Đất đai. Do vậy, đề nghị trao đổi với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn về nội dung này. - Về hướng dẫn thêm về tỷ lệ vốn góp đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: Điều 33 Luật Đầu tư quy định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn,...Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, đánh giá nhu cầu sử dụng đất, đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội,...không yêu cầu về tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư.
	Phụ lục II Nghị định	STC Lai Châu	Tại phần I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ, Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, đề xuất bổ sung: “9. Công nghệ Trung tâm dữ liệu”. Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm m mục 3 Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện	Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị: “Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao...”. Phần A.I Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm: 1. Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 2. Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc cập nhật, bổ sung Danh mục công nghệ cao,

			nghiệp/Tập đoàn nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng). Ngoài ra, đề nghị phân biệt rõ thủ tục chuyển nhượng toàn bộ và chuyển nhượng một phần dự án để đảm bảo tính pháp lý rõ ràng, hiệu quả quản lý nhà nước và quyền lợi của các bên liên quan. <i>(Lý do: Trong thực tế, một số dự án điện được chuyển chủ đầu tư từ EVN sang PVN hoặc ngược lại theo hình thức chuyển giao nguyên trạng. Các trường hợp này chưa được điều chỉnh trong Luật Đầu tư và các văn bản dưới Luật).</i>	
	Chương III Nghị định	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư, chương III Nghị định) hiện đang thiếu rõ ràng trong quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như phát điện, truyền tải LNG, phát triển hạ tầng năng lượng. Đề nghị làm rõ các ngành nghề có hạn chế hoặc điều kiện cụ thể đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực điện lực, dầu khí, LNG; Công khai đầy đủ Danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư.	Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định về nguyên tắc áp dụng điều kiện thị trường của nhà đầu tư nước ngoài, công bố Danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, trong đó mục B Phụ lục I Nghị định 31 đã quy định về ngành, nghề dầu khí và điện lực. Việc quy định cụ thể điều kiện đối với các lĩnh vực này được quy định tại pháp luật chuyên ngành, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên...
	Chương V Nghị định	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (Chương V Nghị định 31) một số dự án năng lượng (điện mặt trời, điện gió, LNG,...) gặp vướng mắc trong lựa chọn nhà đầu tư do chưa có hướng dẫn thống nhất giữa Luật Đầu tư – Đất đai – Đấu thầu. Đề nghị hướng dẫn rõ các trường hợp được chỉ định nhà đầu tư (đối với các dự án đặc thù đã được phê duyệt trong quy hoạch và do DNNN thực hiện); Cho phép áp dụng cơ chế lựa chọn nhà đầu tư riêng cho các dự án năng lượng trọng điểm quốc	Luật Đầu tư không quy định về chỉ định nhà đầu tư, chỉ quy định về việc chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Đề xuất cho phép áp dụng cơ chế lựa chọn nhà đầu tư riêng cho các dự án năng lượng trọng điểm quốc gia cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng tác động, sự đồng bộ với pháp luật có liên quan.

			nước nắm giữ 100% vốn điều lệ...”. Để đảm bảo tính thống nhất và khả thi trong việc thực hiện, đặc biệt là việc Nhà nước giao tài sản, dự án từ cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tiếp tục triển khai đầu tư dự án, đề nghị bổ sung nội dung Luật Đầu tư sửa đổi Luật số 61/2020/QH14 – Điều 14: <i>“Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tài sản, dự án đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước để tiếp tục đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác, doanh nghiệp nhà nước không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư”.</i>	
Điều 30-33 Luật Đầu tư	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án năng lượng trọng điểm, các dự án nguồn điện khí, điện tái tạo quy mô lớn dù đã có trong Quy hoạch điện (hiện là QH điện VIII điều chỉnh) nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư, làm kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư từ 12-24 tháng. Đề nghị bỏ hoặc miễn thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện, Quy hoạch năng lượng quốc gia. Cho phép áp dụng cơ chế “thẩm định nhanh” hoặc “một cửa liên thông” với các dự án có tính chất chiến lược, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Có các hướng dẫn trong việc chuyển giao chủ đầu tư (đối với một số dự án trọng điểm, mang tính chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia). <i>(Lý do: Tiết giảm chi phí, nguồn lực và rút ngắn thời gian).</i>	Nội dung liên quan đến kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, không thuộc phạm vi của dự thảo Nghị định. Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư (dự kiến tháng 10/2025)	

			có giấy tờ về quyền sử dụng đất đai tại khu đất lập dự án đầu tư, dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp UBND cấp tỉnh, không cần lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau do nội dung quy định của điểm a khoản 1 Điều 32 và điểm đ khoản 1 Điều 33 chưa thống nhất.)	
	Điều 41 Luật Đầu tư	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Một số quy định còn chung chung (ví dụ, quy định về “thay đổi mục tiêu của dự án” tại khoản 3,4 Điều 41) mang tính định tính, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau và rủi ro pháp lý, hoặc chưa có cơ chế phân biệt rõ điều chỉnh nhỏ và điều chỉnh lớn dẫn đến việc áp dụng thủ tục hành chính tương đối đồng đều cho mọi loại điều chỉnh, gây gánh nặng cho nhà đầu tư. Đề nghị Luật Đầu tư và các văn bản dưới luật quy định rõ các trường hợp trên.	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư (dự kiến tháng 10/2025)
		Công ty Luật TNHH LNT & Thành viên	Dự thảo cần bổ sung các quy định cụ thể về: (i) ứng dụng Cổng dịch vụ công quốc gia trong thủ tục đầu tư; (ii) tiêu chí cập nhật linh hoạt danh mục ngành nghề hạn chế đầu tư; và (iii) cơ chế phân quyền cho địa phương trong xúc tiến đầu tư gắn với trách nhiệm giám sát. Mô hình xúc tiến đầu tư tập trung của Singapore (EDB) và hệ thống đăng ký điện tử BizFile+ có thể là gợi ý cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện cơ chế thực thi đồng bộ, hiệu quả.	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư (dự kiến tháng 10/2025)
	Phụ lục I danh mục ngành hạn chế tiếp cận thị trường	Công ty Luật TNHH LNT & Thành viên	Danh mục gồm 25 ngành nghề cấm hoặc hạn chế nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận. Danh mục rộng, không linh hoạt, không cập nhật theo thực tiễn, làm giảm khả năng thu hút FDI... Kiến nghị: Rà soát lại danh mục, chuyển sang tiếp cận theo hướng “kiểm soát có điều kiện”.	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư (dự kiến tháng 10/2025)

			điện tử như sau: “Hồ sơ đăng ký đầu tư ra nước ngoài được nộp, xử lý và phản hồi qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Việc xử lý được cập nhật tự động và minh bạch trên hệ thống”.	
	Điều 130 về xúc tiến đầu tư	Công ty Luật TNHH LNT & Thành viên	Quy định chung, thiếu phân cấp rõ cho địa phương, thiếu hệ thống giám sát hiệu quả. Thiếu cơ quan xúc tiến trung ương chuyên trách, thiếu thông tin thị trường ngành, vùng. Đề nghị thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư quốc gia, tích hợp dữ liệu số hoá: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư quốc gia, tích hợp dữ liệu theo ngành, vùng và báo cáo kết quả xúc tiến định kỳ”.	Theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 69 Luật Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) có trách nhiệm quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư và điều phối hoạt động xúc tiến đầu tư tại Việt Nam và ở nước ngoài. Hiện nay, đã có cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư quốc gia là Cục Đầu nước ngoài; tại địa phương là các Sở Tài chính hoặc đơn vị chức năng, trung tâm theo phân công của UBND tỉnh.
	Danh mục địa bàn ưu đãi	STC Bắc Kạn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Toàn bộ các xã, phường trên địa bàn tỉnh bao gồm: Xã Bằng Thành, Xã Nghiễn Loan, Xã Cao Minh, Xã Ba Bể, Xã Chợ Rã, Xã Phúc Lộc, Xã Thượng Minh, Xã Đồng Phúc, Xã Thượng Quan, Xã Bằng Vân, Xã Ngân Sơn, Xã Nà Phặc, Xã Hiệp Lực, Xã Nam Cường, Xã Quảng Bạch, Xã Yên Thịnh, Xã Chợ Đồn, Xã Yên Phong, Xã Nghĩa Tá, Xã Phú Thông, xã Cẩm Giàng, Xã Vĩnh Thông, Xã Bạch Thông, Xã Phong Quang, Phường Đức Xuân, Phường Bắc Kạn, Xã Văn Lang, Xã Cường Lợi, Xã Na Rì, Xã Trần Phú, Xã Côn Minh, Xã Xuân Dương, Xã Tân Kỳ, Xã Thanh Mai, Xã Thanh Thịnh, Xã Chợ Mới, Xã Yên Bình.	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh căn cứ quy định này để công bố địa bàn ưu đãi đầu tư sau khi đã được chính thức phê duyệt các xã do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp Việc ban hành ngay Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã tại Nghị định này chưa đảm bảo tính cập nhật kịp thời với việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trên thực tế
	Danh mục địa bàn ưu đãi	STC Tuyên Quang	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: các xã: Côn Lôn, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Nà Hang, Tân Mỹ, Yên Lập, Chiêm	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 về việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên

			chỉnh tiến độ: "Đối với những dự án đầu tư chưa đi vào hoạt động, chậm tiến độ mà không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ thì sẽ vướng mắc khi thực hiện quy trình thu hồi dự án do dự án chưa đi vào hoạt động thì không thể ngừng hoạt động".	tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này".
		STC Yên Bái	Đề nghị bổ sung thêm các quy định để đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư: Tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư 2020 quy định: "<i>Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</i>". Tuy nhiên Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ chưa quy định cơ sở đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư (Ví dụ: chưa có quy định về tỷ lệ, cơ cấu vốn đầu tư trong tổng vốn đầu tư đối với từng dự án (vốn tự có bao nhiêu? vốn vay tổ chức tín dụng bao nhiêu?). Do đó, cần bổ sung làm cơ sở đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư.	Luật Đầu tư và Nghị định hướng dẫn thi hành không quy định việc thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư.
		STC Yên Bái	Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung theo hướng có sự thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai: - Tại điểm d khoản 2 Điều 31 (Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-	Ghi nhận và nghiên cứu nội dung này trong quá trình tổng kết, sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư (dự kiến tháng 10/2025)

			theo quy định.” Như vậy Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định toàn bộ nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp phải có Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; trong khi khoản 1 và khoản 5 Điều 60 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 chỉ quy định thủ tục nhận chuyển nhượng đối với tổ chức kinh tế. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu sửa đổi để đảm bảo thống nhất giữa các luật với nhau.	
	Điều 33: Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: “b) Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo Nghị định

			- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP như sau: “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế.”.	
	Phụ lục III: Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại STT 55 Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: <i>“Khu kinh tế, khu công nghệ cao, (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ) khu công nghệ số tập trung”.</i> Lý do: Luật Công nghiệp công nghệ số hiện đang trình Quốc thông qua tại kỳ họp thứ 9, trong đó khu CNTT tập trung được thay thế bằng khu công nghệ số tập trung. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung khu công nghệ số tập trung thay khu CNTT tập trung để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo Nghị định

Số: 3292 /BNV-PC
V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định nêu trên. Theo đó, đề nghị rà soát nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, phù hợp Nghị quyết số 240/NQ-CP ngày 17/12/2024 của Chính phủ phiên họp chuyên đề về pháp luật tháng 11/2024: *“Thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính và phân cấp tối đa để các địa phương, doanh nghiệp chủ động thực hiện...”*.

2. Đối với các nội dung quy định cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư, đề nghị rà soát bảo đảm phù hợp về tên gọi, trình tự, thủ tục và thẩm quyền sau hợp nhất.

3. Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị định sau khi được ban hành, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Huy;
- Lưu: VT, PC (LQ Sinh).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Huy

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

Số: 1020/THVN-VP
V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 31/2021/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) nhận được Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính đề nghị về việc nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi tắt là Hồ sơ Dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Hồ sơ Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- VP (P.THPC);
- Lưu: VT, VP.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM



Lê Quyền

**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTX-KHTC

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số
31/2021/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tấn xã Việt Nam xin có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu nội dung của Dự thảo Nghị định nói trên, theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ, TTXVN nhất trí với các nội dung của dự thảo và không có ý kiến nào khác.

Thông tấn xã Việt Nam xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Hùng

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1963 /STC-TCĐN&ĐTNN

Thái Bình, ngày 06 tháng 06 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2497/UBND-KTGTXD ngày 04/6/2025, trong đó giao và ủy quyền cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP gửi kèm theo Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Thái Bình nhất trí với nội dung của dự thảo sửa đổi do Bộ Tài chính soạn thảo.

Sở Tài chính tỉnh Thái Bình kính gửi Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, TCDN&ĐTNN.

KT. GIÁM ĐỐC
CHỖ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Thành

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1375/STC-QLDN&ĐKKD

Lai Châu, ngày 03 tháng 6 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP



Kính gửi: Bộ Tài chính

Thiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Công văn số 2556/UBND-TH ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu tham gia ý kiến như sau:

1. Về nội dung dự thảo Nghị định:

- Tại điểm b khoản 7 Điều 1 về sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: Đề nghị thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính”.
- Tại Điều 1: Đề xuất bổ sung 01 khoản vào Điều 2 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP về giải thích từ ngữ “trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư”.

2. Các đề xuất khác:

- Tại phần I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ, Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, đề xuất bổ sung: “9. Công nghệ Trung tâm dữ liệu”. Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm m mục 3 Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

- Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tránh lãng phí nguồn lực cho các Nhà đầu tư, đề nghị

Chính phủ quy định mở rộng các trường hợp được điều chỉnh quá 24 tháng tại khoản 4 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020 đối với các dự án đã có khối lượng thực tế thi công lớn hoặc thêm trường hợp điều chỉnh quá 24 tháng đối với các dự án vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, các dự án được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Sở Tài chính tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc sở (b/c);
- Lưu: VT, KTN, QLDN&ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Hùng

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1987 /STC-KTĐN

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số
31/2021/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế)

Thực hiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 và số 3540/UBND-TH ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang nhất trí với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; đồng thời, đề nghị Bộ Tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung các nội dung theo đề nghị của Sở Tài chính Bắc Giang văn bản số 1721/STC-KTĐN ngày 23/5/2025.

Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang báo cáo Bộ Tài chính xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KTĐN_(Hn).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Cường

**UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3157 /STC-ĐKKD

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 4292/UBND-KT ngày 04/6/2025 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, sau khi nghiên cứu Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính và bản dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có ý kiến như sau:

Nhất trí với nội dung của bản dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thống nhất đơn vị chỉ thời gian trong cùng một thủ tục hành chính (sửa “ngày” thành “ngày làm việc”) để thuận lợi cho việc hẹn ngày trả kết quả và tránh các trường hợp vào các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, xem xét. *fn*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, ĐKKD (Sơ đồ 02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thiện

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2240 /STC-QLGCSTCDN

Vĩnh Phúc, ngày 04 tháng 06 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Kính gửi: Vụ pháp chế - Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4449/UBND – KT4 ngày 04/6/2025; Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính nhất trí với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc tham gia gửi Vụ pháp chế - Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kg;
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu VT, QLGCST&TCDN.



Lê Văn Lộc

Số: 2456 /STC-HTĐT

Bình Thuận, ngày 05 tháng 6 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 31/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và yêu cầu của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận tại văn bản số 2836/VP-KT ngày 04/6/2025 của Văn phòng UBND tỉnh Bình Thuận;

Qua rà soát, Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận xin tham gia góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP với các nội dung như sau:

1. Về thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện theo khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Theo điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (trang số 02 dự thảo) như sau: “1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 44 Luật Đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa”.

Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận xin đề nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP nội dung sau đây: “Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng đất chậm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc chậm được bàn giao đất và được cơ quan quản lý đất đai cấp

tinh xác nhận việc chậm thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên là do trường hợp bất khả kháng thì nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư”.

*** Lý do đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**

Theo nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư được tính từ thời điểm dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc được bàn giao đất. Việc đề xuất nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư là phù hợp với khoản 3 Điều 44¹ Luật Đầu tư năm 2020 và nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư theo Công điện số 63/CTĐ-TTg ngày 12/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, khắc phục hạn chế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

2. Về cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Theo khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (trang số 08 - 09 dự thảo) như sau:

“6. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

...

b) Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

c) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu

¹ Khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020 quy định về thời hạn hoạt động dự án đầu tư như sau: “Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nhà đầu tư chậm được bàn giao đất thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư”.

tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế”.

Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận xin đề nghị chỉnh sửa thành:

“6. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

...

b) Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

c) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế”.

*** Lý do đề nghị điều chỉnh:**

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020 (đã được bổ sung bởi Điểm b Khoản 5 Điều 2 Luật Sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 có hiệu lực từ ngày 15/01/2025), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với *“Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất”*.

Đồng thời, tại điểm a khoản 4 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt) quy định thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau: *“... Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế*

xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế”.

Việc đề xuất quy định giao Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây xin gọi chung là Ban quản lý khu công nghiệp) hoặc giao Sở Tài chính tại nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp là cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất là nhằm đồng bộ với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020 (đã được bổ sung bởi Điểm b Khoản 5 Điều 2 Luật Sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 có hiệu lực từ ngày 15/01/2025) và điểm a khoản 4 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 19/2025/NĐ-CP).

3. Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định cụ thể các nội dung sau đây vào khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (trang số 09 - 10 dự thảo):

(i) Trường hợp quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch nhưng nay đơn vị hành chính cấp tỉnh có sự thay đổi do thực hiện sắp xếp lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như thế nào?.

(ii) Cơ quan đăng ký đầu tư có được tiếp tục đánh giá nội dung quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh cũ đã được phê duyệt trong khi quy hoạch tỉnh của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới chưa được phê duyệt không?.

(iii) Nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu...) của đơn vị hành chính cấp huyện cũ với quy hoạch đô thị của đơn vị hành chính cấp xã mới thì sẽ được thực hiện như thế nào?.

(iv) Đối với dự án đầu tư nằm tại khu vực nông thôn thì có phải thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 không?

4. Về sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Tỉnh Bình Thuận hiện nay có 10 huyện, thị xã, thành phố. Theo Phụ lục III (Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư) ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, các địa bàn ưu đãi đầu tư tại tỉnh Bình Thuận bao gồm:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Huyện Phú Quý.
- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Các huyện Bắc Bình, Tuy Phong, Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân.

Theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Thuận năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 thì toàn tỉnh Bình Thuận sẽ sáp nhập từ 121 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 45 xã, phường mới và 1 đặc khu mới.

Căn cứ mục 2 Công văn số 4525/BTC-PC ngày 09/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xác định ưu đãi đầu tư, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính và nguyên tắc tại Điều 21 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp như sau:

a) Đối với nguyên tắc “Đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã đang hưởng”

Có 44 trường hợp:

1. Sáp nhập xã Vĩnh Tân - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Vĩnh Hảo - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Vĩnh Hảo. Do vậy, **xã Vĩnh Hảo là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

2. Sáp nhập xã Phước Thê - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Phú Lạc - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Liên Hương - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Bình Thạnh - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Liên

Hương. Do vậy, **xã Liên Hương là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

3. Sáp nhập xã Phan Dũng - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Phong Phú - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên là xã Tuy Phong. Do vậy, **xã Tuy Phong là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

4. Sáp nhập thị trấn Phan Rí Cửa - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Hòa Minh - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Chí Công - huyện Tuy Phong (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên là xã Phan Rí Cửa. Do vậy, **xã Phan Rí Cửa là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

5. Sáp nhập xã Phan Hoà Minh - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Phan Hiệp - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Phan Rí Thành - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và thị trấn Chợ Lầu - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Bắc Bình. Do vậy, **xã Bắc Bình là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

6. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 2,1 km² của xã Hòa Thắng - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) nhập vào xã Hồng Thái - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) để sáp nhập với xã Phan Thanh - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hồng Thái. Do vậy, **xã Hồng Thái là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

7. Sáp nhập xã Hải Ninh - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Bình An - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Phan Điền - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hải Ninh. Do vậy, **xã Hải Ninh là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

8. Sáp nhập xã Phan Sơn - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Phan Lâm - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Phan Sơn. Do vậy, **xã Phan Sơn là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

9. Sáp nhập xã Sông Lũy - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Phan Tiến - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Bình Tân - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế

- xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Sông Lũy. Do vậy, **xã Sông Lũy là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

10. Sáp nhập xã Sông Bình - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và thị trấn Lương Sơn - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Lương Sơn. Do vậy, **xã Lương Sơn là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

11. Sáp nhập xã Hòa Thắng - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hồng Phong - huyện Bắc Bình (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hoà Thắng. Do vậy, **xã Hòa Thắng là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

12. Sáp nhập xã Đông Tiến - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Đông Giang - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Đông Giang. Do vậy, **xã Đông Giang là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

13. Sáp nhập xã Đa Mi - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã La Dạ - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã La Dạ. Do vậy, **xã La Dạ là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

14. Sáp nhập xã Thuận Hòa - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Hàm Trí - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Phú - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Thuận Bắc. Do vậy, **xã Hàm Thuận Bắc là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

15. Sáp nhập xã Thuận Minh - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Ma Lâm - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Đức - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Thuận. Do vậy, **xã Hàm Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

16. Sáp nhập xã Hồng Liêm - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hồng Sơn - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hồng Sơn. Do vậy, **xã Hồng Sơn là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

17. Sáp nhập xã Hàm Liêm - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Chính - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Liêm. Do vậy, **xã Hàm Liêm là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

18. Sáp nhập thị trấn Phú Long - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Hàm Thắng - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và phường Xuân An - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Hàm Thắng. Do vậy, **phường Hàm Thắng là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

19. Sáp nhập xã Hàm Hiệp - huyện Hàm Thuận Bắc (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Phong Năm - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và phường Phú Tài - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Bình Thuận. Do vậy, **phường Bình Thuận là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

20. Sáp nhập phường Mũi Né - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), xã Thiện Nghiệp - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và phường Hàm Tiến - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Mũi Né. Do vậy, **phường Mũi Né là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

21. Sáp nhập phường Thanh Hải - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), phường Phú Thủy - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và phường Phú Hải - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Phú Thủy. Do vậy, **phường Phú Thủy là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

22. Sáp nhập phường Phú Trinh - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), phường Lạc Đạo - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và phường Bình Hưng - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Phan Thiết. Do vậy, **phường Phan Thiết là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

23. Sáp nhập phường Đức Long - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và xã Tiến Thành - thành phố Phan Thiết (địa bàn

không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Tiến Thành. Do vậy, **phường Phan Thiết là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

24. Sáp nhập xã Mỹ Thạnh - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Hàm Cần - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Thạnh - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Thạnh. Do vậy, **xã Hàm Thạnh là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

25. Sáp nhập xã Mương Mán - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Hàm Kiệm - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Cường - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Kiệm. Do vậy, **xã Hàm Kiệm là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

26. Sáp nhập xã Thuận Quý - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Tân Thành - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Tân Thuận - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tân Thành. Do vậy, **xã Tân Thành là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

27. Sáp nhập thị trấn Thuận Nam - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Hàm Minh - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Thuận Nam. Do vậy, **xã Hàm Thuận Nam là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

28. Sáp nhập xã Tân Lập - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Sông Phan - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tân Lập. Do vậy, **xã Tân Lập là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

29. Sáp nhập xã Tân Đức - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Tân Minh - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Tân Phúc - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tân Minh. Do vậy, **xã Tân Minh là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

30. Sáp nhập thị trấn Tân Nghĩa - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Tân Hà - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện

kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Tân Xuân - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hàm Tân. Do vậy, **xã Hàm Tân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

31. Sáp nhập xã Tân Thắng - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Thắng Hải - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Sơn Mỹ - huyện Hàm Tân (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Sơn Mỹ. Do vậy, **xã Hàm Tân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

32. Sáp nhập phường Tân An - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), phường Tân Thiện - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), xã Tân Bình - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và phường Bình Tân - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường La Gi. Do vậy, **phường La Gi là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

33. Sáp nhập phường Phước Hội - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư), phường Phước Lộc - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và xã Tân Phước - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là phường Phước Hội. Do vậy, **phường Phước Hội là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

34. Sáp nhập xã Tân Hải - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và xã Tân Tiến - thị xã La Gi (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tân Hải. Do vậy, **xã Tân Hải là địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư.**

35. Sáp nhập xã Đức Phú - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Nghị Đức - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Nghị Đức. Do vậy, **xã Nghị Đức là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

36. Sáp nhập xã Măng Tô - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Bắc Ruộng - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Bắc Ruộng. Do vậy, **xã Bắc Ruộng là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

37. Sáp nhập xã Huy Khiêm - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Đồng Kho - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã La Ngâu - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Đức Bình - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Đồng Kho. Do vậy, **xã Đồng Kho là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

38. Sáp nhập xã Gia An - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Lạc Tánh - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Đức Thuận - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tánh Linh. Do vậy, **xã Tánh Linh là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

39. Sáp nhập xã Suối Kiết - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Gia Huynh - huyện Tánh Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Suối Kiết. Do vậy, **xã Suối Kiết là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

40. Sáp nhập xã Mê Pu - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Sùng Nhơn - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Đa Kai - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Nam Thành. Do vậy, **xã Nam Thành là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

41. Sáp nhập xã Nam Chính - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Võ Xu - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Vũ Hòa - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Đức Linh. Do vậy, **xã Đức Linh là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

42. Sáp nhập xã Đức Tín - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), thị trấn Đức Tài - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Đức Hạnh - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Hoài Đức. Do vậy, **xã Hoài Đức là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

43. Sáp nhập xã Đông Hà - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), xã Trà Tân - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và xã Tân Hà - huyện Đức Linh (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Trà Tân. Do vậy, **xã Trà Tân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**

44. Thành lập đặc khu Phú Quý trên cơ sở sáp nhập xã Long Hải - huyện Phú Quý (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), xã Ngũ Phụng - huyện Phú Quý (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) và xã Tam Thanh - huyện Phú Quý (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Do vậy, **đặc khu Phú Quý là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.**

b) Đối với nguyên tắc “Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện

kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Không có trường hợp nào.

c) Đối với nguyên tắc “Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn”

Có 01 trường hợp: Sáp nhập xã Tiến Lợi - thành phố Phan Thiết (địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) và xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thành 01 ĐVHC mới có tên gọi là xã Tuyên Quang. Do vậy, xã Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Đối với nguyên tắc “Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”

Không có trường hợp nào.

Căn cứ kết quả xác định các địa bàn ưu đãi đầu tư nêu trên, Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đề xuất sửa đổi Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP như sau:

Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP		Đề nghị điều chỉnh thành	
Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
Huyện Phú Quý	Các huyện Bắc Bình, Tuy Phong, Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân	Đặc khu Phú Quý	Các xã Vĩnh Hảo, Liên Hương, Tuy Phong, Phan Rí Cửa, Bắc Bình, Hồng Thái, Hải Ninh, Phan Sơn, Sông Lũy, Lương Sơn, Hòa Thắng, Đông Giang, La Dạ, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hồng Sơn, Hàm Liêm, Hàm

			Thạnh, Hàm Kiệm, Tân Thành, Hàm Thuận Nam, Tân Lập, Tân Minh, Hàm Tân, Sơn Mỹ, Nghi Đức, Bắc Ruộng, Đồng Kho, Tánh Linh, Suối Kiết, Nam Thành, Đức Linh, Hoài Đức, Trà Tân và phường Hàm Thắng
--	--	--	--

5. Về nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư theo Điều 22 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, tỉnh Bình Thuận gặp một số vướng mắc phát sinh từ thực tế. Cụ thể, một dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trên toàn bộ diện tích đất sử dụng để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhà đầu tư đã xây dựng một số công trình trên một phần diện tích đất và bị xử phạt vi phạm hành chính do không có giấy phép xây dựng. Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc xử lý trường hợp nhà đầu tư vi phạm trên một phần diện tích đất đang được hưởng ưu đãi đầu tư thì có được tiếp tục hưởng ưu đãi đối với phần diện tích không vi phạm hay không hoặc là bị chấm dứt toàn bộ ưu đãi đầu tư cho toàn bộ dự án. Đây là vướng mắc đã gây khó khăn cho địa phương trong quá trình xem xét, xử lý và áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

Từ cơ sở trên, Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về việc xử lý trường hợp nhà đầu tư vi phạm trên một phần diện tích đất đang được hưởng ưu đãi đầu tư thì có được tiếp tục hưởng ưu đãi đối với phần diện tích không vi phạm hay không hoặc là bị chấm dứt toàn bộ ưu đãi đầu tư cho toàn bộ dự án.

Nội dung này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận báo cáo Bộ Tài chính tại Công văn số 2304/UBND-KT ngày 25/5/2025 trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6724/BTC-PC ngày 19/5/2025 về việc báo cáo tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

6. Kiến nghị của Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận

Trong quá trình hoàn chỉnh dự thảo Nghị định nêu trên, Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận kính đề nghị Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp thêm các kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại Công văn số

2304/UBND-KT ngày 25/5/2025 (đính kèm) để đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ của nội dung dự thảo Nghị định.

Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận xin tham gia góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và gửi Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - Giám đốc Sở;
 - Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng;
 - Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông;
 - Lưu: VT, HTĐT.
- } (báo cáo)
- } (để biết và phối hợp)
- Khánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Đức Tuấn

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1352 /STC-GCS&DN
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Hưng Yên, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Pháp Chế)

Thực hiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo văn bản và quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên đề nghị Bộ Tài chính (Vụ Pháp Chế) tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ sở;
- Lưu VT, GCS&DN^N.

GIÁM ĐỐC



Ký bởi: SỞ TÀI CHÍNH
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN
Ngày 04 tháng 6 năm 2025
Nguyễn Đức Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 2041 /UBND-KTTH

Về việc góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02 tháng 6 năm 2025 về xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia một số ý kiến như sau:

1. Thống nhất với dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Đối với Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư

Theo Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định toàn bộ các huyện và thành phố của tỉnh Kon Tum là Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kon Tum năm 2025. Theo đó, sau khi sắp xếp tỉnh Kon Tum có 40 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 03 phường, 37 xã.

Do đó, kính đề nghị Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ xem xét, sửa đổi Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ theo hướng toàn bộ các xã, phường của tỉnh Kon Tum (40 đơn vị hành chính cấp xã) là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KTTH, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Diệu

**UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2958/STC-KTN

Ninh Bình, ngày 05 tháng 06 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-
CP của Chính phủ

Kính gửi:

- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Văn bản số 888/UBND-VP4 ngày 04/6/2025 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình một số nội dung như sau:

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi nhiều nội dung hướng dẫn trên cơ sở Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và sắp xếp xã, phường, thị trấn trong năm 2025; cắt giảm thời thực hiện thủ tục hành chính; bổ sung một số ngành nghề ưu đãi về công nghệ, trí tuệ nhân tạo; cập nhật một số nội dung đã hướng dẫn tại các văn bản, nghị định khác để đảm bảo thống nhất... Do vậy, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo. Tuy nhiên, còn một số nội dung Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình đề nghị chỉnh sửa như sau:

- Về thời hạn hoạt động của dự án đầu tư: Dự thảo sửa đổi Khoản 1 Điều 27 như sau: Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 thì *"Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp Nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm bàn giao đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa"*.

Quy định này đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất, tuy nhiên trong thực tế có rất nhiều nhà đầu tư không tích cực trong công tác GPMB, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, do vậy dẫn đến việc thời hạn hoạt động của dự án nếu lấy mốc là từ ngày có quyết định giao đất thì có thể kéo dài lên trên

50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư. Do vậy, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp, có giải pháp đối với các nhà đầu tư không tích cực.

- Đề nghị bổ sung quy định, hướng dẫn cụ thể về việc chấp thuận đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội có phạm vi bao gồm một phần diện tích đất đang do nhà nước quản lý cùng tài sản công còn giá trị trên sổ sách kế toán, để đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai, Luật quản lý và sử dụng tài sản công và hệ thống văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn của các Luật trên.

- Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 31 có quy định: “Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư và các dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản này, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều này”. Như vậy, việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư khi không thuộc trường hợp đấu giá, đấu thầu. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai thì đối với các trường hợp không sử dụng vốn ngân sách nhà nước và thuộc trường hợp thu hồi đất tại Điều 79 của Luật này mà nhà đầu tư lựa chọn phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất, không đề xuất thu hồi đất thì được xem xét lựa chọn nhà đầu tư thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị bổ sung hướng dẫn đối với các trường hợp thuộc diện đấu thầu, mời quan tâm nhưng nhà đầu tư có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án thì sẽ ưu tiên hình thức nào trước.

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án: Luật Đầu tư năm 2020 quy định trường hợp bất khả kháng thì được điều chỉnh tiến độ trên 24 tháng, tuy nhiên không quy định tối đa là thời hạn là bao nhiêu. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 31/2021/NĐ-CP không hướng dẫn, quy định cụ thể về nội dung thẩm định tiến độ thực hiện dự án, dẫn đến việc tiến độ thực hiện dự án chấp thuận lần đầu cũng như khi điều chỉnh không có cơ sở để xác định thời gian cụ thể, thực tế có những dự án đề nghị tiến độ điều chỉnh thêm 20-30 năm, rất khó cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm định. Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung trên vào Nghị định.

- Đề nghị bổ sung quy định cụ thể việc thực hiện điều chỉnh dự án đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư dự án không đề nghị cấp GCNĐKĐT, tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án có một số nội dung cần điều chỉnh dự án nhưng không thuộc các trường hợp phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư (ví dụ thay đổi tổng vốn đầu tư dưới 20%, kéo dài tiến độ không vượt quá 12 tháng) để các cơ quan quản lý nhà nước có thể theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án của Nhà đầu tư hoặc để triển khai các công việc tiếp theo của dự án như cập nhật tổng vốn

đầu tư khi thay đổi suất vốn đầu tư làm căn cứ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá đấu thầu.

- Ngoài ra, đối với việc đề xuất sửa đổi Luật Đầu tư cũng như Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình đã tham gia ý kiến và báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 2565/STC-KTN ngày 23/5/2025. Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung các hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c GD, PGD Tạ Hoàng Hùng;
- Lưu: VT, KTN. MTT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thái Sơn

Số: 1722 /STC-TĐĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 2351/VP-TH ngày 03/6/2025 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trong đó Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính góp ý đối với dự thảo Nghị định theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng cơ bản nhất trí với các nội dung của dự thảo Nghị định.

2. Một số góp ý khác

2.1. Về tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện dự án hiện theo biểu mẫu của Bộ Tài chính (Mẫu số A.I.1 và A.I.2 Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT và Thông tư 25/2023/TT-BKHĐT) đang hướng dẫn thể hiện: “*Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):...*”

Đồng thời, tiến độ thực hiện dự án còn bao gồm các nội dung: Tiến độ chuẩn bị đầu tư, thực hiện thủ tục xây dựng, môi trường, giải phóng mặt bằng, thuê đất... chứ không chỉ thể hiện Tiến độ đầu tư xây dựng.

Theo dự thảo sửa đổi Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP thì cách thức thể hiện Tiến độ thực hiện dự án sẽ chỉ là Tiến độ đầu tư xây dựng và được thể hiện bằng số năm hoặc số tháng (ví dụ: Tiến độ thực hiện: 24 tháng).

Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét các nội dung này, trường hợp có các điểm mâu thuẫn đề nghị hướng dẫn các địa phương thực hiện.

2.2. Đề nghị xem xét lại hoặc hướng dẫn kỹ hơn về Khoản 10 Điều 27

Trên thực tế, có nhiều dự án cần gia hạn thời hạn hoạt động do thời hạn đăng ký cũ tương đối ngắn (ví dụ như dự án khai thác khoáng sản chỉ 5 năm, 10 năm...), tuy nhiên khi gia hạn cần phải đánh giá đầy đủ các nội dung tại Khoản 10

Điều 27 sẽ là không cần thiết. Do đó, đề xuất quy định chỉ thực hiện đánh giá theo Khoản 10 Điều 27 khi dự án cần gia hạn sau thời hạn hoạt động tối đa là 50 năm.

2.3. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn về cách thức phân biệt các trường hợp gia hạn thời hạn và điều chỉnh thời hạn của dự án.

2.4. Về điểm d khoản 2 Điều 31

Đề nghị hướng dẫn, quy định rõ hơn về “*bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm*”. Một số ý kiến cho rằng văn bản thỏa thuận địa điểm trong trường hợp này yêu cầu phải đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới đủ điều kiện nộp hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.5. Về nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Sự phù hợp với quy hoạch

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (chung của xã). Các quy hoạch cấp trên như quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thì cơ bản mang tính định hướng, phạm vi, vị trí địa điểm dự án được nêu rõ sẽ theo quy hoạch cấp dưới, quy hoạch sử dụng đất. Để dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư thì tại các địa phương hiện nay đều phải đối chiếu cụ thể với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung xây dựng xã (trường hợp tại nông thôn). Do đó, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, hướng dẫn phương thức đánh giá với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng là cần phù hợp tới mức độ nào, theo chỉ tiêu sử dụng đất, theo danh mục, theo định hướng hay phải phù hợp với ranh giới, phạm vi thể hiện trên bản đồ quy hoạch (là cách thức các địa phương đang thực hiện).

- Đề nghị nội dung hướng dẫn trong trường hợp các quy hoạch có mâu thuẫn, phù hợp quy hoạch này nhưng không phù hợp khác? Dự án cần thiết thực hiện nhưng chưa thể hiện tại các quy hoạch?

- Nghiên cứu bổ sung nội dung tương tự như đã thể hiện tại Nghị định 108/2005/NĐ-CP, Nghị định 118/2015/NĐ-CP như sau: *Đối với dự án đầu tư dự kiến thực hiện tại địa điểm chưa đúng với quy hoạch hoặc không thuộc quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.*

b) Đánh giá nhu cầu sử dụng đất: Đề nghị thể hiện rõ để tránh hiểu nhầm với “thẩm định nhu cầu sử dụng đất” quy định tại pháp luật về đất đai. Trong đó cần thể hiện là đánh giá về quy mô, diện tích, vị trí của đề xuất sử dụng đất trên cơ sở mục tiêu, quy mô của dự án.

2.6. Về thành phần hồ sơ pháp lý đầu tư

Đề nghị bổ sung: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Bản vẽ sơ bộ dự kiến về tổng mặt bằng của dự án.

2.7. Hình thức hồ sơ pháp lý: Trường hợp nhà đầu tư thực hiện trên công dịch vụ công trực tuyến thì hồ sơ nộp trên công dịch vụ công (văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy) sử dụng thay cho bản giấy.

Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng kính gửi Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban QLKKT tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TĐĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Trường Sơn

Số: 1175 /STC-KTN

Điện Biên, ngày 05 tháng 6 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 31/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2458/UBND-TH ngày 03/6/2025 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Căn cứ Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung và tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Điện Biên có một số ý kiến tham gia như sau:

1. Về phần Căn cứ pháp lý

Đề nghị sửa bổ sung ngày tháng năm ban hành của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; bổ sung cơ quan ban hành và không viết tắt ngày tháng năm ban hành của Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1

- Tại nội dung sửa đổi, bổ sung tại điểm d, khoản 2, Điều 30: đề nghị xem xét lại quy định *"thời hạn 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ"* không phải nội dung quy định hiện hành tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, đề đồng bộ thời gian xử lý thủ tục hành chính theo nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 30 và đảm bảo thời gian xem xét, thẩm định hồ sơ, đề nghị xem xét, sửa đổi nội dung là: *"Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo gồm các nội dung quy định tại các điểm b, c và d khoản 9 Điều 31 Nghị định này"*.

- Tại nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 Điều 31, đề nghị chỉnh sửa lại thành *"Các nội dung thẩm định quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7 Điều này"* để thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 31.

- Tại nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32, đề nghị chỉnh sửa lại thành *"Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 6 Điều 31 của Nghị định này"* để thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 31.

- Đề nghị nghiên cứu xây dựng quy định bãi bỏ điểm đ khoản 7 Điều 32 thành một điểm riêng để bảo đảm tính logic, khoa học.

- Đối với nội dung bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8, Điều 33 cơ bản thống nhất về nội dung bổ sung, trong trường hợp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được Quốc hội thông qua để đảm bảo thống nhất nội dung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư tại Phụ lục III: đối với tỉnh Điện Biên đề nghị sửa đổi nội dung thành "*Toàn bộ các xã, phường trên địa bàn tỉnh*".

- Đề nghị rà soát chỉnh sửa cách tính thời hạn thực hiện các thủ tục theo hướng quy định đối với thời hạn dưới 10 ngày tính theo "ngày làm việc"; từ 10 ngày trở lên tính theo "ngày" để bảo đảm tính thống nhất của văn bản.

- Đề nghị rà soát để sử dụng thống nhất cụm từ "Bản sao hợp lệ" để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu để bổ sung thêm một số quy định sau

- Bổ sung quy định sửa đổi khoản 8 mục IV Phần A và khoản 8 mục IV Phần B Phụ lục II Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện (khoản 8 mục IV Phần A quy định "Đầu tư kinh doanh trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy dân lập; điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy cộng đồng tại cấp huyện;"; khoản 8 mục IV Phần B quy định "Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp huyện, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.").

- Bổ sung quy định yêu cầu công khai đầy đủ thông tin liên quan đến các chính sách hỗ trợ đầu tư, bao gồm tiêu chí, quy trình, kết quả xét duyệt... trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp để tăng tính minh bạch, tạo lòng tin cho nhà đầu tư.

4. Điều 2 Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, đề nghị sửa như sau để bảo đảm thống nhất giữa tên Điều và nội dung của Điều:

"Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Thay thế toàn bộ cụm từ "*Bộ Kế hoạch Đầu tư*" bằng cụm từ "*Bộ Tài chính*", cụm từ "*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*" bằng cụm từ "*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*", cụm từ "*Sở Kế hoạch và Đầu tư*" bằng cụm từ "*Sở Tài chính*".".

5. Khoản 3 Điều 3 quy định về Điều khoản chuyển tiếp, đề nghị nghiên cứu sửa tên khoản như sau để bảo đảm tính chính xác "*Quy định chuyển tiếp*", đồng thời bổ sung đầy đủ nội dung của khoản này.

6. Các nội dung khác:

- Về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: đề nghị nộp bằng hình thức điện tử, trừ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. .. tương tự như dự án đầu tư công, để số hóa hồ sơ, thực hiện chuyển đổi số

- Về chế độ báo cáo GSDG và báo cáo định kỳ: chỉ nên quy định báo cáo GSDG trong giai đoạn thực hiện đầu tư và trước khi điều chỉnh dự án, bỏ báo cáo GSDG trong giai đoạn vận hành .. . bỏ báo cáo định kỳ ... Lý do: trong giai đoạn vận hành NĐT đã thực hiện theo chế độ báo cáo về thống kê, kế toán, thuế, lao động, ... không cần thiết phải làm báo riêng và tạo áp lực cho NĐT và cơ quan quản lý.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Đề nghị bỏ điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (*Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng, dự án đầu tư có đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, ...* Lý do: việc thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của Luật Đất đai, tránh thủ tục trùng lặp, Luật Đầu tư chỉ nên quy định các dự án theo ngành lĩnh vực thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Sở Tài chính tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Mạnh Thắng

**TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 682/TCT-KHĐT

V/v ý kiến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

ĐỀN số: 64913.....
Ngày: 05-06-2025
Chuyên: Vũ PC
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (Sau đây gọi là Tổng công ty) nhận được văn bản số 7626/BCT-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính Về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP (Sau đây gọi là Dự thảo Nghị định). Tổng công ty có ý kiến như sau:

Nghị định 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư đã có hiệu lực từ năm 2021, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định theo yêu cầu của hiện tại là rất cần thiết, giúp tiết kiệm thời gian và giảm các thủ tục đầu tư dự án theo Luật Đầu tư.

Do đó Tổng công ty thống nhất đối với nội dung Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần về Dự thảo Nghị định.

Trân trọng./. *ML*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- TGD;
- P.TGD Nguyễn Trung Kiên;
- B.PC&KSNB, B.ĐTTC
- Lưu VT, B.KHĐT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
Số: 4680/CNNL-KTBT
V/v: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

Kính gửi: Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính

Thực hiện yêu cầu của Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính tại công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 liên quan đến nội dung xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 31/2021/NĐ-CP (Nghị định 31), Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) kính báo cáo:

- Chi tiết các khó khăn vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung như tại *Phụ lục đính kèm*.

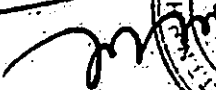
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam kính báo cáo.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- TGD TD (e-copy, đề b/cáo);
- PTGD D.M.Son (e-copy, đề b/cáo);
- Các Ban TD: PC&QLĐT, (e-copy);
- Lưu VT, KTBT 5508.

Đính kèm:

- Phụ lục: Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị
định 31/2021/NĐ-CP.

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG TRƯỞNG BAN


BAN ĐIỀU HÀNH
Ban Hiến

PHỤ LỤC: Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 31/2021/NĐ-CP
(Kèm theo công văn số 492/NNL-KTĐT ngày 04/6/2023)

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Khảo luận vướng mắc pháp luật (nếu có)	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở đề xuất
CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI NGHỊ ĐỊNH 31/2021/NĐ-CP	Điều 25, Điều 43 Nghị định 31/2021/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 43 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 về Đầu tư thực hiện dự án đầu tư; Khoản 1 Điều 43 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về việc ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư. PVN là doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước) thực hiện triển khai các Dự án có quy mô lớn, theo chỉ đạo, nhiệm vụ được Nhà nước giao (hoặc chỉ định). Việc PVN thực hiện dự án là nhiệm vụ, yêu cầu bắt buộc, số tiền ký quỹ hoặc phát sinh các chi phí bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ gây khó khăn vướng mắc, phát sinh chi phí đầu tư làm giảm nguồn lực trong quá trình thực hiện đầu tư, chậm tiến độ triển khai dự án.	Đề nghị cập nhật, bổ sung nội dung "... ngoài từ trường hợp Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao, chỉ định thực hiện dự án đầu tư..."	PVN là doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước) thực hiện triển khai các Dự án có quy mô lớn, theo chỉ đạo, nhiệm vụ được Nhà nước giao (hoặc chỉ định). Việc PVN thực hiện dự án là nhiệm vụ, yêu cầu bắt buộc, số tiền ký quỹ hoặc phát sinh các chi phí bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ gây khó khăn vướng mắc, phát sinh chi phí đầu tư làm giảm nguồn lực trong quá trình thực hiện đầu tư, chậm tiến độ triển khai dự án. Thực tế hiện nay PVN đang triển khai các Dự án có quy mô đầu tư lớn theo chỉ đạo, nhiệm vụ được Chính phủ giao và có tính chất bắt buộc, đảm bảo tiến độ tổng thể chung của cả Chuỗi dự án (bao gồm các dự án thượng, trung và hạ nguồn, thuộc Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng) như: Dự án NMMND ở Môn IV, Ở Môn III, Dự án Đường ống Lở B - Ở Môn; và trong tương lai là Dự án Nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận 2.
1	Điều 48 Nghị định 31/2021/NĐ-CP	Luật Đầu tư 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 chỉ có quy định về chuyển nhượng dự án (Điều 46 Luật Đầu tư 2020; Điều 48 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021).	Đề nghị quy định rõ về cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án, bổ sung quy định đặc thù về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án của DNNN làm Chủ đầu tư nhằm bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý vốn, tài sản nhà nước và thuận lợi, rõ ràng trong quá trình thực hiện (VD: chuyển giao dự án giữa các doanh nghiệp/Tập đoàn nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng). Ngoài ra, đề nghị phân biệt rõ thủ tục chuyển nhượng toàn bộ và chuyển nhượng một phần dự án để đảm bảo tính pháp lý rõ ràng, hiệu quả quản lý nhà nước và quyền lợi của các bên liên quan.	Trong thực tế, một số dự án điện được chuyển chủ đầu tư từ EVN sang PVN hoặc ngược lại theo hình thức chuyển giao nguyên trạng. Các trường hợp này chưa được điều chỉnh trong Luật Đầu tư và các văn bản dưới Luật.
2				

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có)	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở đề xuất
3	Chương III Nghị định 31/2021/NĐ-CP	Về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư; Chương III Nghị định 31) hiện đang thiếu rõ ràng trong quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như phát điện, truyền tải LNG, phát triển hạ tầng năng lượng.	Đề nghị làm rõ các ngành nghề có hạn chế hoặc điều kiện cụ thể đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực điện lực, dầu khí, LNG; Công khai đầy đủ Danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư.	
4	Chương V Nghị định 31/2021/NĐ-CP	Về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (Chương V Nghị định 31) một số dự án năng lượng (điện mặt trời, điện gió, LNG...) gặp vướng mắc trong lựa chọn nhà đầu tư do chưa có hướng dẫn thống nhất giữa Luật Đầu tư – Đất đai – Đầu thầu.	Đề nghị hướng dẫn rõ các trường hợp được chỉ định nhà đầu tư (đối với các dự án đặc thù đã được phê duyệt trong quy hoạch và do doanh nghiệp nhà nước thực hiện); Cho phép áp dụng cơ chế lựa chọn nhà đầu tư riêng cho các dự án năng lượng trọng điểm quốc gia.	
5	Phụ lục II, III Nghị định 31/2021/NĐ-CP	Các dự án điện LNG, Hydrogen không nằm trong danh mục ngành nghề được ưu đãi đầu tư, dù là lĩnh vực Nhà nước khuyến khích phát triển.	Đề xuất bổ sung vào danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư: Sản xuất, phân phối điện từ khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), hydro; Xây dựng cơ sở hạ tầng tiếp nhận, tái hóa khí LNG; Công nghệ lưu trữ năng lượng, phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời quy mô lớn. Áp dụng ưu đãi đặc biệt về thuế, đất đai và tiếp cận tín dụng với các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, sử dụng tỷ lệ nội địa hóa lớn và không phát thải carbon.	

CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ HIỆN HÀNH

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có)	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở đề xuất
6	Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 - Điều 37, khoản 4. Nghị định 85/2025/NĐ-CP "Điều 15, điểm c, khoản 3). Nghị định 114/2024/NĐ-CP: - Điểm c, khoản 1, điều 1. - Khoản 6, điều 20 quy định.	- Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 "Điều 37. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư" có quy định dừng chủ trương đầu tư, Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục (khoản 4); - Nghị định 85/2025/NĐ-CP "Điều 15. Các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án và trình tự, thủ tục thực hiện" quy định Cấp quyết định chủ trương đầu tư xem xét, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó quyết định phương án xử lý đối với khối lượng đã thực hiện của chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan (điểm c, khoản 3). - Nghị định 114/2024/NĐ-CP: + Điểm c, khoản 1, điều 1. Phạm vi điều chỉnh bao gồm tài sản công được Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý. + Khoản 6, điều 20 quy định: "Trường hợp điều chuyển tài sản công sang doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ..."	Đề nghị bổ sung nội dung Luật Đầu tư sửa đổi Luật số 61/2020/QH14 - Điều 41: "Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tài sản, dự án đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước để tiếp tục đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác, doanh nghiệp nhà nước không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư"	Để đảm bảo tính thống nhất và khả thi trong việc thực hiện, đặc biệt là việc Nhà nước giao tài sản, dự án từ cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tiếp tục triển khai đầu tư dự án.
7	Điều 30-33 Luật Đầu tư	Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án năng lượng trọng điểm, các dự án nguồn điện khí, điện tái tạo quy mô lớn dù đã có trong Quy hoạch điện (hiện là QH điện VIII điều chỉnh) nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư, làm kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư từ 12-24 tháng.	Đề nghị bỏ hoặc miễn thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện, Quy hoạch năng lượng quốc gia. Cho phép áp dụng cơ chế "thẩm định nhanh" hoặc "một cửa liên thông" với các dự án có tính chất chiến lược, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Có các hướng dẫn trong việc chuyển giao chủ đầu tư (đối với một số dự án trọng điểm, mang tính chiến lược, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia)	Tiết giảm chi phí, nguồn lực và rút ngắn thời gian

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Khó khăn, vướng mắc, phát sinh (nếu có)	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở đề xuất
8	Luật Đầu tư và Luật Dầu khí, Luật Điện lực, Luật Đất đai	Về đồng bộ giữa Luật Đầu tư và Luật Dầu khí, Luật Điện lực, Luật Đất đai. Hiện có sự mâu thuẫn và thiếu đồng bộ giữa các luật điều chỉnh hoạt động đầu tư dự án dầu khí - năng lượng (ví dụ: trình tự cấp phép, điều kiện thuê đất, đấu nối điện).	Đề nghị rà soát, xây dựng Nghị định liên ngành hoặc quy trình "một cửa" thống nhất cho đầu tư các dự án dầu khí - điện - năng lượng; Tổ chức phối hợp các Bộ để điều chỉnh kịp thời các điểm xung đột giữa Luật Đầu tư với Luật chuyên ngành, Luật Dầu khí có liên quan phù hợp với việc tỉnh, giám đốc máy. Đối với việc đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân đề nghị xây dựng các quy định và cho phép thực hiện theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử	
9	Điều 32, 33 Luật Đầu tư 2020	Đối chiếu với quy định Điểm a Khoản 1 Điều 32 và Điểm đ Khoản 1 Điều 33, không rõ quy định với trường hợp nhà đầu tư đã có giấy tờ về quyền sử dụng đất tại khu đất lập dự án đầu tư, dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp UBND cấp tỉnh thì có phải lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận hay không? vì trong trường hợp không cần lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thì quy định Điểm đ Khoản 1 Điều 33 được hiểu như thế nào?	Đề nghị bổ sung Điểm đ Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (phần in nghiêng): Điều 33. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư và không cần nộp các Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư khác.	Làm rõ quy định trường hợp nhà đầu tư đã có giấy tờ về quyền sử dụng đất tại khu đất lập dự án đầu tư, dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp UBND cấp tỉnh, không cần lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau do nội dung quy định của Điểm a Khoản 1 Điều 32 và Điểm đ Khoản 1 Điều 33 chưa thống nhất.
10	Điều 41 Luật đầu tư 2020	Một số quy định còn chung chung (ví dụ, quy định về "thay đổi mục tiêu của dự án" tại Khoản 3, 4 Điều 41) mang tính định tính, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau và rủi ro pháp lý, hoặc chưa có cơ chế phân biệt rõ điều chỉnh nhỏ và điều chỉnh lớn dẫn đến việc áp dụng thủ tục hành chính tương đối đồng đều cho mọi loại điều chỉnh, gây gánh nặng cho nhà đầu tư.	Đề nghị Luật đầu tư và các văn bản dưới luật quy định rõ các trường hợp trên	

BÁO CÁO

Đánh giá dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Kính gửi: - Vụ Pháp chế Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Luật sư Lê Nết của Công ty Luật TNHH LNT & Partners sau khi nghiên cứu kỹ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025, thay mặt Công ty Luật TNHH LNT & Thành viên, luật sư Lê Nết kính trình Bộ Tài chính ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 như sau:

I. TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được xây dựng nhằm cụ thể hóa các quy định mới của Luật Đầu tư và tháo gỡ một số vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành. Dự thảo tập trung điều chỉnh các nhóm nội dung chính như: danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I); thủ tục đầu tư ra nước ngoài; ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; cơ chế xúc tiến đầu tư và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan.

II. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 31/2021/NĐ-CP

2.1. Về tính hợp pháp

Việc Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung dự thảo phù hợp với định hướng chính trị, pháp lý đã được xác lập trong các kết luận, nghị quyết của Đảng và Quốc hội. Hình thức sửa đổi phù hợp với trình tự thủ tục rút gọn được cho phép theo Điều 50, 51 của Luật Ban hành VBQPPL. Hình thức trình theo thủ tục rút gọn là phù hợp trong bối cảnh cần kịp thời tháo gỡ những vướng mắc cấp bách đang phát sinh trong thực tiễn thi hành, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến giải ngân đầu tư công, quản lý tài sản công, đầu tư PPP và hoạt động xuất nhập khẩu. Dự thảo cũng phù hợp với các định hướng chính trị lớn đã được xác lập tại Nghị quyết số 61/2022/QH15, Kết luận số 121-KL/TW và 127-KL/TW của Trung ương và Bộ Chính trị, cũng như Chiến lược cải cách thể chế quốc gia đến năm 2030.

2.2. Về tính hợp lý, khả thi

Nội dung Dự thảo Luật về cơ bản đã tiếp cận đúng và tương đối đầy đủ các nhóm vấn đề đang gây ách tắc trong thực tiễn điều hành, đặc biệt là các quy định liên quan đến một số quy định của Nghị định hiện hành như danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường (Phụ lục I) được phản ánh là quá rộng và chưa cập nhật theo thực tiễn công nghệ, gây khó khăn trong thu hút FDI chiến lược. Quy trình đầu tư ra nước ngoài còn thủ công, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, chưa ứng dụng hiệu quả nền tảng số. Ngoài ra, chính sách ưu đãi đầu tư chưa liên kết với các mục tiêu lớn như đổi mới sáng tạo, công nghệ cao hay phát triển bền vững (ESG), trong khi đây là xu hướng được áp dụng phổ biến tại các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Malaysia.

2.3. Các vấn đề cần sửa đổi

Dự thảo cần bổ sung các quy định cụ thể về: (i) ứng dụng Công dịch vụ công quốc gia trong thủ tục đầu tư; (ii) tiêu chí cập nhật lĩnh vực danh mục ngành nghề hạn chế đầu tư; và (iii) cơ chế phân quyền cho địa phương trong xúc tiến đầu tư gắn với trách nhiệm giám sát. Mô hình xúc tiến đầu tư tập trung của Singapore (EDB) và hệ thống đăng ký điện tử BizFile+ có thể là gợi ý cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện cơ chế thực thi đồng bộ, hiệu quả.

a) Bất cập

Nội dung/Điều luật	Hiện trạng Luật Việt Nam (Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	So sánh với mô hình Singapore	Bất cập
Phụ lục I: Ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường với NĐTNN	Gồm 25 ngành nghề cấm hoặc hạn chế NĐT nước ngoài tiếp cận.	Singapore có danh mục ngắn gọn hơn, linh hoạt hơn, chỉ cấm ngành có liên quan đến an ninh, quốc phòng.	Danh mục Việt Nam rộng, không cập nhật theo thực tiễn, làm giảm khả năng thu hút FDI trong lĩnh vực công nghệ.
Điều 13, 14: Thủ tục cấp GCN đầu tư	Hồ sơ đầu tư và hồ sơ doanh nghiệp tách rời, phải khai báo nhiều lần.	Singapore dùng một cửa điện tử, toàn bộ đăng ký đầu tư, kinh doanh, thuế tích hợp.	Chưa liên thông giữa cơ quan đầu tư và đăng ký kinh doanh, làm chậm xử lý và gây phiền hà.
Chương IV, điều 18, 20: Ưu đãi đầu tư	Ưu đãi đầu tư phân tán ở nhiều luật, tập trung vào các lĩnh vực truyền thống, chưa gắn kết với chuyển đổi số.	Singapore gắn ưu đãi đầu tư với công nghệ cao, trung tâm R&D và đổi mới sáng tạo.	Chưa có ưu đãi cụ thể khuyến khích chuyển giao công nghệ. Chưa bắt kịp các dòng vốn đầu tư chiến lược vào kinh tế số.
Điều 68-71: Thủ tục đầu tư ra nước ngoài	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài còn phức tạp, nhiều vòng.	Singapore áp dụng cơ chế đăng ký tự động với báo cáo định kỳ qua hệ thống BizFile+ cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ và theo	Thủ tục nộp hồ sơ thời gian xử lý kéo dài, mất thời gian, thiếu nền tảng số hóa đồng bộ, gây trì trệ

Nội dung/Điều luật	Hiện trạng Luật Việt Nam (Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	So sánh với mô hình Singapore	Bất cập
		đối hoàn toàn online.	không minh bạch tiến độ xử lý.
Điều 130: Xúc tiến đầu tư	Quy định chung, thiếu phân cấp rõ cho địa phương; thiếu hệ thống giám sát hiệu quả. Thiếu cơ quan xúc tiến trung ương chuyên trách, thiếu thông tin thị trường ngành, vùng.	Singapore có cơ quan chuyên trách như EDB, xúc tiến theo ngành, liên kết các khu công nghiệp trọng điểm và theo thị trường	Việt Nam thiếu cơ chế xúc tiến chủ động, chuyên nghiệp, còn manh mún, phân tán, thiếu chuyên môn hóa, không dữ liệu hóa.

b) Kết luận và kiến nghị:

Điều / Nội dung	Thực tiễn và bất cập	Định hướng kiến nghị	Kiến nghị sửa đổi điều luật
Phụ lục I: Danh mục ngành hạn chế	Danh mục rộng, không linh hoạt, gây lo ngại về tính minh bạch và cập nhật.	Rà soát lại danh mục, chuyển sang tiếp cận theo hướng "kiểm soát có điều kiện".	"Chính phủ định kỳ rà soát Phụ lục I, công bố danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, bảo đảm minh bạch và linh hoạt theo xu hướng phát triển."

Điều / Nội dung	Thực tiễn và bất cập	Định hướng kiến nghị	Kiến nghị sửa đổi điều luật
Điều 13, 14: Thủ tục cấp GCN đầu tư	Cần nộp hồ sơ giấy qua nhiều đơn vị, không liên thông.	Tích hợp hệ thống đầu tư – doanh nghiệp – thuế thành một cửa.	“Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm liên thông hồ sơ với hệ thống đăng ký doanh nghiệp và cơ quan thuế để cấp GCN đầu tư qua Cổng dịch vụ công quốc gia.”
Chương IV, điều 18, 20: Ưu đãi đầu tư	Danh mục ưu đãi không phản ánh các ngành công nghệ mũi nhọn (AI, dữ liệu, ESG).	Giao Chính phủ cập nhật danh mục hàng năm theo chiến lược quốc gia.	“Chính phủ ban hành và cập nhật hàng năm danh mục ngành, nghề công nghệ cao, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.”
Điều 68–71: Thủ tục đầu tư ra nước ngoài	Hồ sơ còn nộp bản giấy, không theo dõi tiến độ online.	Triển khai nền tảng nộp và xử lý hồ sơ điện tử.	“Hồ sơ đăng ký đầu tư ra nước ngoài được nộp, xử lý và phản hồi qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Việc xử lý được cập nhật tự động và minh bạch trên hệ thống.”
Điều 130: Xúc tiến đầu tư	Thiếu thông tin thị trường, không có đầu mối xúc tiến quốc gia.	Thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư quốc gia, tích hợp dữ liệu số hóa.	“Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư quốc gia, tích hợp dữ liệu theo ngành, vùng và báo cáo kết quả xúc tiến định kỳ.”

Nơi nhận:

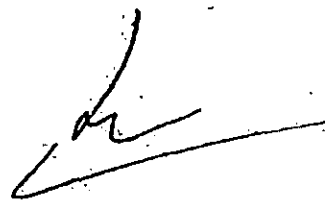
- Như trên;

- Lưu: VT.

CÔNG TY LUẬT TNHH LNT & THÀNH VIÊN

LUẬT SƯ THÀNH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in black ink, consisting of a stylized 'L' followed by a cursive 'ê' and a horizontal line extending to the right.

LÊ NÉT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 542/UBND-CN

Nghệ An, ngày 06 tháng 6 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
của Chính phủ.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Nghệ An báo cáo như sau:

1. Về cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo.
2. Một số ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

2.1. Điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo (sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27)

Đề nghị quy định cụ thể nội dung: *"tiến độ của dự án được tính từ ngày được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa"* được áp dụng với tất cả các trường hợp hay chỉ áp dụng với các trường hợp nhà nước thu hồi đất (việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để bàn giao đất cho nhà đầu tư thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước). Đối với các trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án có được áp dụng quy định này hay không.

2.2. Khoản 5 Điều 2 Dự thảo (sửa đổi, bổ sung Điều 31)

a) Điểm c khoản 1 Điều 31 sửa đổi quy định về tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. Hiện nay chỉ có quy định về năng lực tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc một số lĩnh vực như khoáng sản, kinh doanh bất động sản. Các dự án thuộc lĩnh vực khác không có quy định cụ thể; Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP cũng không có quy định cụ thể về thẩm định năng lực tài chính. Do đó, việc thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư theo nội dung quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư và điểm b khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai không có cơ sở thực hiện.

Do đó, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư.

b) Điểm d khoản 3 Điều 31 sửa đổi quy định:

"d) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư"

Đề nghị bỏ cụm "phi nông nghiệp" để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai năm 2024 (quy định các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đều phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất; không phân biệt dự án nông nghiệp hay dự án phi nông nghiệp).

c) Bổ sung "khu công nghệ số tập trung" vào quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 31 sửa đổi.

d) Điểm b khoản 7 Điều 31 sửa đổi quy định về nội dung thẩm định "đánh giá nhu cầu sử dụng đất": Quy định về đánh giá nhu cầu sử dụng đất không được quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn. Do đó, đề nghị quy định cụ thể nội dung đánh giá nhu cầu sử dụng đất để có cơ sở thực hiện.

d) Khoản 8 Điều 31 sửa đổi: Đề nghị điều chỉnh thành "Việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này..."

2.3. Khoản 7 Điều 2 Dự thảo (sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 33)

a) Bổ sung "khu công nghệ số tập trung" vào quy định tại điểm a khoản 4, khoản 7 Điều 33 sửa đổi.

b) Điểm b khoản 4 Điều 33 sửa đổi quy định: "trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan tại địa phương..."

Đề nghị điều chỉnh "các cơ quan tại địa phương" thành "các cơ quan liên quan".

c) Khoản 9 Điều 33 sửa đổi: Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan chủ trì thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đối với dự án đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên.

2.4. Về nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: UBND tỉnh Nghệ An thống nhất nội dung xác định địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo (sửa đổi, bổ sung Điều 21). Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp sẽ được cụ thể hóa sau khi danh mục các đơn vị hành chính cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thông qua.

2.5. Nội dung khác có liên quan: Nghị định quy định “ngày” và “ngày làm việc”. Đề nghị quy định cụ thể hoặc thống nhất chung là “ngày làm việc”.

Trên đây là một số nội dung góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./. *h*

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CN (TP, T.Tr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An



UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1572 /STC-ĐKKD
V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 31/2021/NĐ-CP

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 4377/UBND-GTCNXD ngày 03/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP theo yêu cầu tại Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính.

Sau khi phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, qua tổng hợp, các đơn vị không có ý kiến và nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Trên cơ sở hướng dẫn tại công văn số 4525/BTC-PC ngày 09/4/2025 của Bộ Tài chính, nguyên tắc tại Điều 21 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn năm 2025, tỉnh Bắc Kạn đề xuất danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh như sau:

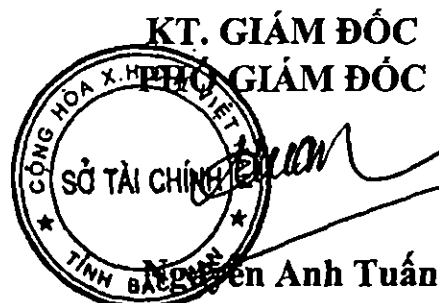
Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn
Bắc Kạn	Toàn bộ các xã, phường trên địa bàn tỉnh bao gồm: Xã Bằng Thành, Xã Nghiên Loan, Xã Cao Minh, Xã Ba Bể, Xã Chợ Rã, Xã Phúc Lộc, Xã Thượng Minh, Xã Đồng Phúc, Xã Thượng Quan, Xã Bằng Vân, Xã Ngân Sơn, Xã Nà Phặc, Xã Hiệp Lực, Xã Nam Cường, Xã Quảng Bạch, Xã Yên Thịnh, Xã Chợ Đồn, Xã Yên Phong, Xã Nghĩa Tá, Xã Phú Thông, xã Cẩm Giàng, Xã Vĩnh Thông, Xã Bạch Thông, Xã Phong Quang, Phường Đức Xuân, Phường Bắc Kạn, Xã Văn Lang, Xã Cường Lợi, Xã Na Rì, Xã Trần Phú, Xã Côn Minh, Xã Xuân Dương, Xã Tân Kỳ, Xã Thanh Mai, Xã Thanh Thịnh, Xã Chợ Mới, Xã Yên Bình.	

Vậy, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi (Báo cáo);
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lưu: VT.



**TẬP ĐOÀN
HOÁ CHẤT VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1064**/HCVN-ĐT XD
V/v dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung một số điều của
Nghị định số 31/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **05** tháng 6 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 6.5.150...
Ngày:	06-06-2025
Chuyển:	Cu...P.C...
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Vụ Pháp chế – Bộ Tài chính

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nhận được Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2024/NĐ-CP.

Thực hiện yêu cầu tại Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02 tháng 6 năm 2025 nêu trên và sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Tập đoàn (để b/c);
- HĐQT Tập đoàn (để b/c);
- KSV Tập đoàn (e-copy);
- TGD Tập đoàn (e-copy);
- Lưu: VT, ĐTXD.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Dũng

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1649 /STC-ĐT
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 31/2021/NĐ-CP

Yên Bái, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Công văn số 2509/UBND-TH ngày 03/6/2025 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 7626/BTC-PC ngày 02/6/2025.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Tài chính một số ý kiến tham gia vào nội dung dự thảo, cụ thể như sau:

1. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Ngoài ra, Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

2.1. Tại khoản 1a Điều 63 của dự thảo, đề nghị chỉnh sửa từ "*1a. Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư...*" thành "*1a. Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư...*" cho đúng với quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư 2020.

2.2. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm các quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về điều kiện, thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư và điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư về quy trình thu hồi đối với dự án chưa đi vào hoạt động, chậm tiến độ, không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ:

"Đối với những dự án đầu tư chưa đi vào hoạt động, chậm tiến độ mà không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ thì sẽ vướng mắc khi thực hiện quy trình thu hồi dự án do dự án chưa đi vào hoạt động thì không thể ngừng hoạt động".

2.3. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm các quy định để đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư:

Tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư 2020 quy định: *"Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;"*. Tuy nhiên Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ chưa quy định cơ sở đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư (Ví dụ: chưa có quy định về tỷ lệ, cơ cấu vốn đầu tư trong tổng vốn đầu tư đối với từng dự án (vốn tự có bao nhiêu? vốn vay tổ chức tín dụng bao nhiêu?). Do đó, cần bổ sung làm cơ sở đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư.

2.4. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung theo hướng có sự thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai:

- Tại điểm d khoản 2 Điều 31 (Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư) quy định *"Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư"*.

- Tại khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư 2020 quy định *"Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh."*

- Tại khoản 1 và khoản 5 Điều 60 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định *"Điều 60. Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư."*

1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

5. Căn cứ văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức kinh tế thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định.”

Như vậy Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định toàn bộ nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp phải có Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; trong khi khoản 1 và khoản 5 Điều 60 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 chỉ quy định thủ tục nhận chuyển nhượng đối với tổ chức kinh tế. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu sửa đổi để đảm bảo thống nhất giữa các luật với nhau.

Sở Tài chính tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, ĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Trần Quang Vinh

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

07.5.2025

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU THẦU; LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ; LUẬT HẢI QUAN; LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU; LUẬT ĐẦU TƯ; LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG; LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 07/2022/QH15; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15;

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ; đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ



tướng Chính phủ; đầu tư trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;”;

b) Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 1 như sau:

“a1) Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số;”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Căn cứ quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu chức năng thuộc khu kinh tế; đối với khu công nghiệp có xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp còn phải thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b và bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 20 như sau:

“a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

a1) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số đáp ứng quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Dự án đầu tư (bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở

lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.”.

4. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 22 như sau:

“d) Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư thành lập mới các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 29 như sau:

“c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung;”.

6. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 30.

7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản Điều 31 như sau:

a) Bãi bỏ điểm a, b, c, d, đ, g khoản 1 và khoản 3 Điều 31.

b) Bổ sung điểm g2 vào sau điểm g1 khoản 1 như sau:

“g2) Nhà máy điện hạt nhân.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Bổ sung điểm g, h, i, và k vào sau điểm e khoản 1 như sau:

“g) Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

h) Dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên;

i) Dự án đầu tư mới kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;

k) Dự án đầu tư chế biến dầu khí;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, đ, e khoản 1 như sau:

“b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (đề bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị không phân biệt quy mô sử dụng đất hoặc quy mô dân số;

đ) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung;

e) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc

biệt, cảng biển loại I;”;

c) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội

1. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định tại Điều 30 Luật này.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:

- a) Tờ trình của Chính phủ;
- b) Đề xuất dự án đầu tư và các tài liệu liên quan theo quy định của Chính phủ;
- c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước;
- d) Tài liệu khác có liên quan.

3. Nội dung thẩm tra đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:

a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội;

b) Sự cần thiết thực hiện dự án đầu tư;

c) Sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;

d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;

đ) Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn;

e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của dự án đầu tư;

g) Cơ chế, chính sách đặc biệt, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

4. Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án đầu tư khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.

5. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

6. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư và trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

13. Sửa đổi bổ sung đoạn đầu khoản 1, bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36a như sau:

a) Sửa đổi bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

“Trừ các dự án đầu tư quy định tại Điều 30 của Luật này, nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế trong các lĩnh vực sau đây:”;

b) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 như sau:

“c) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm tài liệu quy định tại Điều 33 của Luật này, trong đó văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư bao gồm cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định Chính phủ.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 như sau:

“2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm; dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; dự án thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật này thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

“Điều 70. Kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư

1. Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm:

- a) Kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư;
- b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

2. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan đăng ký đầu tư kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư bao gồm:

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để đầu tư kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo nội dung và tiêu chí đã được phê duyệt tại quyết định đầu tư;

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá mục tiêu, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch và chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận, tiến độ thực hiện, việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, tài nguyên khác theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

4. Nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư bao gồm:

a) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư;

c) Đánh giá kết quả thực hiện đầu tư của cả nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các địa phương, các dự án đầu tư theo phân cấp;

d) Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư cấp trên về kết quả đánh giá đầu tư và biện pháp xử lý những vướng mắc và vi phạm pháp luật về đầu tư.

5. Cơ quan, tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá tự thực hiện hoặc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn có đủ điều kiện, năng lực để đánh giá đầu tư.

6. Việc thanh tra, kiểm toán hoạt động của dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

17. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 77 như sau:

“3a. Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị đã triển khai trước ngày 01/01/2021, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về đất đai, nay không có khả năng thực hiện hoặc không có nhu cầu tiếp tục thực hiện và không thuộc trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 của Luật này thì được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng kế thừa quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư chuyển nhượng đối với phần dự án nhận chuyển nhượng để tiếp tục thực hiện; được chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với phần dự án nhận chuyển nhượng khi có nhu cầu theo quy định của Chính phủ.”.

18. Bổ sung số thứ tự 233 vào sau số thứ tự 232 của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau:

STT	NGÀNH, NGHỀ
233	Hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 33 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.
3. Bãi bỏ khoản 6 Điều 14, khoản 1, 2, 3, 4 Điều 29 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

4. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư như sau:

a) Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác; dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên; dự án đầu tư mới kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I; dự án đầu tư chế biến dầu khí; dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên đã tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa trả kết quả thì được giải quyết như sau:

a.1) Trường hợp dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật số 61/2020/QH14);

Đối với dự án chưa đáp ứng yêu cầu, điều kiện để chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của Luật số 61/2020/QH14, Bộ Tài chính chuyển hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ;

a.2) Trường hợp dự án chưa được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính chuyển hồ sơ dự án và ý kiến thẩm định dự án (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này;

a.3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiếp tục sử dụng hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định để xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trong các trường hợp quy định tại tiêu điểm a.1 và tiêu điểm a.2 điểm a khoản này;

b) Đối với các dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản này đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nay thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 6 của Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn



BẢNG SO SÁNH THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
1.	Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 2	Điều 2. Giải thích từ ngữ 7. Hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư là hồ sơ do nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các thủ tục có liên quan khác để thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này.	Điều 2. Giải thích từ ngữ 7. Hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư là hồ sơ do nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, <i>bao gồm bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1a Điều 6 Nghị định này</i> để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các thủ tục có liên quan khác để thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này	Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung quy định về nộp bản điện tử của hồ sơ nhằm cắt đáp ứng yêu cầu cắt giảm số bộ hồ sơ phải nộp, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.
2.	Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6	Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư 1. Việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư được thực hiện như sau:	Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư 1. Việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư được thực hiện như sau: <i>1a. Khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này, nhà đầu tư nộp bản điện tử của hồ sơ theo quy định như sau:</i> <i>a) Bản điện tử của hồ sơ phải được ký xác thực bằng chữ ký điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và có giá trị pháp lý như hồ sơ bản giấy đã nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư, Bộ Tài chính;</i>	Quy định nhằm hướng dẫn việc nộp bản điện tử của hồ sơ.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>b) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, thống nhất và đầy đủ của nội dung hồ sơ bản giấy và bản điện tử đã nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư, Bộ Tài chính. Trường hợp có sự khác nhau giữa hồ sơ bản giấy và bản điện tử, nội dung hồ sơ bản giấy có giá trị pháp lý cuối cùng;</i> <i>c) Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm công khai địa chỉ tiếp nhận bản điện tử của nhà đầu tư trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại địa phương.</i>	
3.	Sửa đổi, bổ sung Điều 21	Điều 21. Xác định địa bàn ưu đãi đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính 1. Trường hợp đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính (chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau nhưng chưa được quy định là địa bàn ưu đãi đầu tư thì thực hiện như sau: a) Đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng;	Điều 21. Xác định địa bàn ưu đãi đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính 1. Trường hợp đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính (chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư) do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau nhưng chưa được quy định là địa bàn ưu đãi đầu tư thì thực hiện như sau: a) Đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng;	Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để quy định nguyên tắc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		b) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; c) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; d) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn 2. Khi điều chỉnh địa giới hành chính, đơn vị cấp xã bị điều chỉnh được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn cấp huyện nơi tiếp nhận đơn vị hành chính đó.	b) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; e) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; d) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn 2. Khi điều chỉnh địa giới hành chính, đơn vị cấp xã bị điều chỉnh được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn cấp huyện nơi tiếp nhận đơn vị hành chính đó. Điều 21. Xác định địa bàn ưu đãi đầu tư <i>Việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như sau:</i> <i>1. Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã</i>	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</i> <i>2. Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;</i> <i>3. Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì xác định như sau:</i> <i>a) Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng;</i> <i>b) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</i> <i>c) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa</i>	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;</i> <i>d) Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</i> <i>4. Đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ trên cơ sở chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau thực hiện xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này.</i> <i>5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và gửi thông tin về Bộ Tài chính</i>	
4.	Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27	Điều 27. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư 1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	Điều 27. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư 1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	Bổ sung quy định về việc tính tiến độ thực hiện của dự án kể từ ngày nhà đầu tư được quyết

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 44 Luật Đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa. 6. Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn. 10. Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc	theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 44 Luật Đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa. 6. Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện kế hoạch sử dụng đất cấp xã theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn. 10. Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc	định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất hoặc từ ngày bàn giao đất trên thực địa trong trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm được bàn giao đất. Lược bỏ quy định dự án sử dụng máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm và bỏ nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; bổ sung dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (xác định tại thời điểm thực hiện thủ tục gia hạn hoạt động dự án đầu tư) vào nhóm dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư gồm: b) Dự án sử dụng máy móc, thiết bị để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm hoặc khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.	hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư gồm: b) Dự án sử dụng máy móc, thiết bị <i>không bố trí thành dây chuyền công nghệ</i> để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm hoặc khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường <i>hoặc công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị còn dưới 85% so với công suất, hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng vượt quá 15% so với thiết kế.</i> Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. <i>c) Dự án sử dụng công nghệ thuộc danh</i>	tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư tại khoản 10 Điều 27 dự thảo Nghị định

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>mục công nghệ cấm chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ.</i>	
5.	Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 29	Điều 29. Chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư 5. Đối với các dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây: c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao; 7. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các điểm c, d và đ khoản 5 Điều này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm trong thời hạn 20 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục sau: a) Thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư về việc thực hiện thủ tục chấp	Điều 29. Chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư 5. Đối với các dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây: c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung 7. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các điểm c, d và đ khoản 5 Điều này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm trong thời hạn 20-15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 15-10 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục sau: a) Thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư về việc thực hiện thủ tục chấp thuận	Bổ sung đối tượng được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án trong khu công nghệ số tập trung. Cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản này trong thời hạn 25 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 20 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư không xem xét và trả lại hồ sơ của các nhà đầu tư khác (nếu có) nộp sau thời hạn 20 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên; b) Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng tại Điều 32 hoặc Điều 33 của Nghị định này trên cơ sở đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên. Trường hợp đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư thì thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt đề xuất dự án đầu tư của từng nhà đầu tư tiếp theo;	chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản này trong thời hạn 25 18 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 20 12 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư không xem xét và trả lại hồ sơ của các nhà đầu tư khác (nếu có) nộp sau thời hạn 20 15 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) hoặc 15 10 ngày (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên; b) Thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng tại Điều 32 hoặc Điều 33 của Nghị định này trên cơ sở đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên. Trường hợp đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư khoản 7 Điều 31 Nghị định này thì thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt đề xuất dự án đầu tư của từng nhà đầu tư tiếp theo;	
6.	Sửa đổi, bổ sung Điều 30	Điều 30. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư 1. Nhà đầu tư quy định tại điểm a khoản 3	Điều 30. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		Điều 29 Nghị định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư;	1. Nhà đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư b, c, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định này; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư khoản 9 Điều 31 Nghị định này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh; c) Trong thời hạn 15 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư;	thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính. Bổ sung nguyên tắc đối với dự án tại địa phương, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan và Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong một số trường hợp nhất định để điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); cơ quan tổ chức đấu giá; cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư. 2. Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi báo cáo kết quả mời quan tâm và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này để lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu	d) Trong thời hạn 25 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư khoản 9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); cơ quan tổ chức đấu giá; cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư. 2. Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định này được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi báo cáo kết quả mời quan tâm và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này để lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư; d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo gồm các nội dung quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư) và nhà đầu tư. 3. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức đấu thầu thì các cơ quan này lập báo cáo kết quả mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư. Quyết định chấp thuận nhà đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư), cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.	quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư; e) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư; d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo gồm các nội dung quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư) và nhà đầu tư. 23. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức đấu thầu thì các cơ quan này lập báo cáo kết quả mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư khoản 9 Điều 31 Nghị định này. Quyết định chấp thuận nhà đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư), cơ quan đăng ký đầu tư và	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		4. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho Ban quản lý khu kinh tế gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư; b) Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tương ứng tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu kinh tế; d) Ban quản lý khu kinh tế chấp thuận nhà	nhà đầu tư. 34. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu kinh tế gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư Nghị định này; b) Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan theo quy định tương ứng tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh. c) Trong thời hạn 15 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu kinh tế; d) Ban quản lý khu kinh tế chấp thuận nhà	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này.	đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này.	
7.	Sửa đổi, bổ sung Điều 31	Điều 31. Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư được lập theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư và các khoản 2 và 3 Điều này.	Điều 31. Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư được lập theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư và các khoản 2 và 3 Điều này. 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng lược bỏ nội dung về sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phân hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương đối với dự án khu đô thị, nếu có đề đơn giản hoá thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư; đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; e) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; h) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). 2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm: a) Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		2. Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm: a) Bản sao Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có); giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; b) Bản sao Danh mục công trình, dự án	<i>b) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).</i> <i>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.</i> 3.2. Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này 33 Luật Đầu tư gồm: a) Bản sao Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có); giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; b) Bản sao Danh mục công trình, dự án	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có); giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. c) Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư; d) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong	phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có); giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. c) Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư; d) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư. 3. Đối với dự án đầu tư xây dựng, đề xuất dự án đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư; thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị. Đối với dự án khu đô thị, trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền được nộp hoặc sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư,	trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư. 4.3. Đối với dự án đầu tư xây dựng, đề xuất dự án đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này 33 Luật Đầu tư; thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị. Đối với dự án khu đô thị, trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền được nộp hoặc sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư, trong đó	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương; b) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có) đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này. 4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 của Luật Đầu tư gồm: a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; b) Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối	đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương; b) Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này 33 Luật Đầu tư, dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có) đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này. 5.4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này 33 của Luật Đầu tư gồm: a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; b) Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 6.5. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: a) Bộ Tài chính Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; c) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.	đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; b) Sở Tài chính Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế; dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; c) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		6. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư;	cao, khu kinh tế. 7.6: Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư; <i>a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan đến mục tiêu hoạt động và nội dung đề xuất dự án đầu tư.</i> <i>Khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của các quy hoạch này.</i> <i>b) Đánh giá nhu cầu sử dụng đất;</i> <i>c) Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</i> <i>d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);</i> <i>đ) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</i> <i>e) Đánh giá về sự phù hợp của dự</i>	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		b) Căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này. 7. Việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư được thực hiện như sau: a) Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch đó được thực hiện trên cơ sở đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch về việc thực hiện quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và Nghị quyết của Chính	<i>án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị.</i> g) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. h) Căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này. 8.7. Việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này 3 Điều 33 Luật Đầu tư được thực hiện như sau: a) Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch đó được thực hiện trên cơ sở đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch về việc thực hiện quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và Nghị quyết của Chính	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		phù ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào các quy hoạch này; b) Trường hợp các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm a khoản này hết thời hạn trước khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt thì quy hoạch đó được kéo dài thời hạn cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt; c) Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung. d) Quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư được xác định là quy hoạch có liên quan đến mục tiêu hoạt động và nội dung đề xuất dự án đầu tư; d) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện như sau: Đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân	phù ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào các quy hoạch này; b) Trường hợp các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm a khoản này hết thời hạn trước khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt thì quy hoạch đó được kéo dài thời hạn cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt; c) Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung. d) Quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều này 3 Điều 33 Luật Đầu tư được xác định là quy hoạch có liên quan đến mục tiêu hoạt động và nội dung đề xuất dự án đầu tư; d) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện như sau: Đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch. 8. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư; b) Căn cứ pháp lý, điều kiện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này; c) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản).	bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch. 9.8. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư gồm: a) Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư; a) Các nội dung thẩm định quy định tại <i>các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7</i> khoản 3 Điều này; đb) Căn cứ pháp lý, điều kiện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư và Điều 29 của Nghị định này; ee) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản). b) Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; c) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); d) Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		9. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này. Trường hợp pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản có quy định về cơ quan được lấy ý kiến thẩm định và nội dung lấy ý kiến thẩm định thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.	109. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này. Trường hợp pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản có quy định về cơ quan được lấy ý kiến thẩm định và nội dung lấy ý kiến thẩm định thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.	
8.	Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 32	Điều 32. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ 2. Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều 31 của Nghị định này nộp 08 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 Điều 31 của Nghị định này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 5. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 của Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.	Điều 32. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ 1a. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này 2. Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều 31 của Nghị định này nộp 08 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính. 5. Trong thời hạn 40 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 7 hoặc khoản 8 9 Điều 31 của Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		Đối với dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên và có đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư hoặc đề xuất giao một bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. 6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. 7. Nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ gồm: b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô (sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phân hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương đối với dự án khu đô thị, nếu có); vốn đầu	Đối với dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên và có đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư hoặc đề xuất giao một bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư 6. Trong thời hạn 07 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư 7. Nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ gồm: b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô (sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phân hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương đối với dự án khu đô thị, nếu có); vốn đầu	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có), thời hạn hoạt động của dự án;	tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có), thời hạn hoạt động của dự án;	
9.	Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 33	Điều 33. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 4. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 Điều 31 của Nghị định này cho cơ quan đăng ký đầu tư; Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy	Điều 33. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 3a. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này. 4. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp 04 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư; Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tài chính trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính. Bổ sung quy trình, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 của Nghị định này; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư. Trường hợp dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này đối với nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường. d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo	tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xã nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan tại địa phương có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định tại khoản 6-7 hoặc khoản 8-9 Điều 31 của Nghị định này. Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh; c) Trong thời hạn 15 ngày 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư. Trường hợp dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này đối với nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường. d) Trong thời hạn 25 ngày 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định này. 7. Đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư như sau: a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4 Điều 31 của Nghị định này nộp 04 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 Điều 31 của Nghị định này cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công	tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 6–7 hoặc khoản 8–9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Trong thời hạn 07 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định này. 7. Đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư như sau: a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4-5 Điều 31 của Nghị định này nộp 04 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		nghệ cao, khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 Nghị định này; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 của Nghị định này và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 của Nghị định này.	cao, khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan <i>tại địa phương</i> có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó quy định tại khoản 6 7 hoặc khoản 8 9 Điều 31 Nghị định này. <i>Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;</i> c) Trong thời hạn 15 ngày 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; d) Trong thời hạn 25 ngày 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 7 hoặc khoản 8 9 Điều 31 của Nghị định này và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 của Nghị định này. 9. Dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên được thực hiện như sau:</i> <i>a) Nhà đầu tư lựa chọn thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại địa phương nơi đề xuất sử dụng phần lớn diện tích sử dụng đất hoặc nơi đầu tư xây dựng công trình chính của dự án hoặc nơi thực hiện phần lớn hoạt động của dự án đầu tư tại địa phương đó;</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan làm cơ sở để xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư cho toàn bộ dự án đầu tư.</i> <i>c) Đối với dự án có đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về đấu thầu.</i> <i>d) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và để triển khai thực hiện dự án.</i>	
10.	Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều	Điều 34. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu	Điều 34. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu	Bổ sung đối tượng thuộc thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	34	tư 3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư sau: a) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế;	tư 3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư sau: a) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, <i>khu công nghệ số tập trung</i>, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế; <i>3a. Trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án đầu tư, Sở Tài chính hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nơi dự án được chuyển đến có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</i>	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng <i>khu công nghệ số tập trung</i> để phù hợp với các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật Đầu tư về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Bổ sung quy định để xác định cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án đầu tư hiện nay.
11.	Sửa đổi, bổ sung Điều 44	Điều 44. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ 1. Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; c) Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;	Điều 44. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ 1. Nhà đầu tư nộp <i>08 01</i> bộ hồ sơ <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư <i>Tài chính</i>. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; c) Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư: c) Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ;	d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư Điều 31 Nghị định này (nếu có). 2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư: c) Trong thời hạn 35 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ;	30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.
12.	Sửa đổi, bổ sung Điều 45	Điều 45. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. 2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư: b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ	Điều 45. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tài chính trong trường hợp chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. 2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư: b) Trong thời hạn 15 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		quan đó; c) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư, Cơ quan chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Đầu tư, các Sở, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.	cơ quan đó; c) Trong thời hạn 2518 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; d) Trong thời hạn 0705 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư, Cơ quan chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Đầu tư, các Sở, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.	
13.	Sửa đổi, bổ sung Điều 46	Điều 46. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế 1. Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;	Điều 46. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế 1. Nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;”. 3. Trong thời hạn 1510 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;	Quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư do Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		4. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.	4. Trong thời hạn 25 <i>18 ngày</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.	30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.
14.	Sửa đổi, bổ sung Điều 48	Điều 48. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư 6. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư trước khi dự án khai thác vận hành hoặc có sự thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 08 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; 8. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư mà việc chuyển nhượng dự án không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 41 của	Điều 48. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư 6. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư trước khi dự án khai thác vận hành hoặc có sự thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp <i>08 01</i> bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư <i>Tài chính</i> hoặc nộp <i>04 01</i> bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; 8. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư mà việc chuyển nhượng dự án không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 41 của Luật	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		Luật Đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư mà thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định sau: a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư, trong đó văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được thay thế bằng văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi Cơ quan đăng ký đầu tư; d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ	Đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư mà thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định sau: a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 04 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư, trong đó văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được thay thế bằng văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư khoản 9 Điều 31 Nghị định này; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi Cơ quan đăng ký đầu tư; d) Trong thời hạn 25 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư khoản 9 Điều 31 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đ) Trong thời hạn 07 05 ngày làm việc kể	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư; e) Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư ghi nhận nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, phân dự án chuyển nhượng (nếu có) và được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng	từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư; e) Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư ghi nhận nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, phân dự án chuyển nhượng (nếu có) và được gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư, <i>các cơ quan nhà nước có liên quan</i> , nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.”.	
15.	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 50	Điều 50. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư 3. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án thực hiện theo quy định sau: a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc 04 bộ hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; bản sao Giấy chứng nhận	Điều 50. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư 3. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án thực hiện theo quy định sau: a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính hoặc 04 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);	đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư Điều 31 Nghị định này (nếu có);”.	
16.	Sửa đổi, bổ sung Điều 51	Điều 51. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế 2. Nhà đầu tư quyết định việc tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Sau khi hoàn thành thủ tục tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. Hồ sơ gồm: d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); 3. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc điều chỉnh dự án đầu tư khi tổ chức lại làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ quy định tại khoản	Điều 51. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế 2. Nhà đầu tư quyết định việc tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Sau khi hoàn thành thủ tục tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. Hồ sơ gồm: d) Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư Điều 31 Nghị định này (nếu có); 3. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc điều chỉnh dự án đầu tư khi tổ chức lại làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 01 bộ hồ sơ quy định tại	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		2 Điều này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc 04 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đề điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư.	khoản 2 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính hoặc 04 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đề điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư.	
17.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 52	Điều 52. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp 5. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc góp vốn làm thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư góp vốn nộp 08 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc 04 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này. Trường hợp góp một phần quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không thuộc	Điều 52. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp 5. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và việc góp vốn làm thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư góp vốn nộp 08 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Tài chính hoặc 04 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này <i>và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi</i> cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định này. Trường hợp góp một phần quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không thuộc	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư thì nhà đầu tư góp vốn không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.	một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư thì nhà đầu tư góp vốn không phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.	
18.	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 53	Điều 53. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh 4. Thủ tục sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh thực hiện như sau: a) Trường hợp việc hợp tác kinh doanh làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc 04 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này;	Điều 53. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh 4. Thủ tục sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh thực hiện như sau: a) Trường hợp việc hợp tác kinh doanh làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc thay đổi nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 08 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính hoặc 04 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này;	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của việc số hoá hồ sơ để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.
19.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55	Điều 55. Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư 2. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4	Điều 55. Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư 2. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4	Cắt giảm một số đầu mục hồ sơ, số bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng cường vai trò của

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		Điều 27 của Nghị định này được thực hiện như sau: a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp ứng	Điều 27 của Nghị định này được thực hiện như sau: a) Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính hoặc Cơ quan đăng ký đầu tư tương ứng với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm nộp hồ sơ; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp	việc số hoá hồ sơ và cắt giảm 30% số ngày thực hiện thủ tục để đẩy nhanh quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, cắt giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục, thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này; c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định này; d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này để lập báo cáo thẩm định trình cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư; d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; e) Đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng tại các điểm b, c, d và đ khoản này để gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.	ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4, khoản 10 Điều 27 của Nghị định này; c) Trong thời hạn 10 ngày 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định này; d) Trong thời hạn 15 ngày 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4, khoản 10 Điều 27 của Nghị định này để lập báo cáo thẩm định trình cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư; đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; e) Đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 04 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng tại các điểm b, c, d và đ khoản này để gia hạn	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.	
20.	Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 63	Điều 63. Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Điều 63. Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài <i>1a. Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư và chỉ được điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp để bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh khác sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Nghị định này.</i>	
21.	Bổ sung Điều 105a vào sau Điều 105		Điều 105a. Kiểm tra tổng thể đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư <i>1. Trách nhiệm kiểm tra tổng thể đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư</i> <i>a) Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan thực hiện kiểm tra tổng thể đầu tư và kiểm tra dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;</i> <i>b) Sở Tài chính kiểm tra dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</i> <i>2. Nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư</i> <i>a) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư và quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật</i>	Bổ sung quy định về kiểm tra tổng thể dự án đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư để tăng cường trách nhiệm hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan đăng ký đầu tư, đảm bảo hiệu quả của việc phân cấp, phân quyền.

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			liên quan đến đầu tư; b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư của cả nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các địa phương, các dự án đầu tư theo phân cấp bao gồm: tình hình thu hút đầu tư; việc thực hiện các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch; việc thực hiện các quy định trong lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo phân cấp; việc thực hiện các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và triển khai thực hiện dự án đầu tư; c) Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư; d) Việc thực hiện các kết luận kiểm tra và xử lý vướng mắc và vi phạm pháp luật về đầu tư. 3. Nội dung kiểm tra dự án đầu tư a) Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); b) Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án; c) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có); d) Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai,	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>tài nguyên khác theo quy định của pháp luật;</i> <i>d) Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định;</i> <i>e) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.</i> 4. Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra <i>a) Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch Kế hoạch kiểm tra của bộ, ngành, địa phương, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 11 để theo dõi, tổng hợp.</i> <i>b) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch kiểm tra trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.</i> 5. Trình tự, thủ tục kiểm tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ <i>a) Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập đoàn kiểm tra;</i> <i>b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm</i>	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra;</i> <i>c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra;</i> <i>d) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.</i> <i>đ) Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; kiến nghị các biện pháp xử lý hoặc kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.</i> <i>6. Việc giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.</i>	
22.	Bổ sung Điều 117a		Điều 117a. Chuyển nhượng dự án đầu tư	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	vào sau Điều 117		<i>xây dựng thứ cấp trong khu đô thị quy định theo tại khoản 3a Điều 77 Luật Đầu tư</i> <i>1. Hồ sơ đề nghị thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 5 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản/tài liệu về dự án đầu tư.</i> <i>2. Thủ tục chuyển nhượng dự án</i> <i>a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo bản điện tử của hồ sơ cho Sở Tài chính;</i> <i>b) Trường hợp dự án chuyển nhượng thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Tài chính xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3a Điều 77 của Luật Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng theo quy định tương ứng tại Điều 33 của Nghị định này.</i> <i>c) Trường hợp dự án chuyển nhượng không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3a Điều 77 của Luật Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân</i>	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>cấp tỉnh chấp thuận việc chuyển nhượng. d) Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận chuyển nhượng cho Sở Tài chính để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</i>	
23.	Bổ sung một số nội dung tại Mục A.I và sửa đổi, bổ sung số thứ tự 8 Mục A.IV của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư	A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ	A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ <i>9. Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm. 10. Sản xuất sản phẩm phần mềm; phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo. 11. Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn. 12. Xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo. 13. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. 14. Dự án đầu tư về lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung; 15. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số. 16. Hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng</i>	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư để bổ sung ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		IV. VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ 8. Đầu tư kinh doanh trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy dân lập; điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy cộng đồng tại cấp huyện.	<i>công nghiệp công nghệ số.</i> <i>17. Hoạt động sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất.</i> IV. VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ 8. Đầu tư kinh doanh trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy dân lập; điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy cộng đồng tại cấp <i>xã huyện</i>;	
24.	Bổ sung một số nội dung tại Mục B.I và sửa đổi, bổ sung số thứ tự 1 và 8 Mục B.IV của Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư	B. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ I. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐIỆN TỬ, CƠ KHÍ, SẢN XUẤT VẬT LIỆU, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN IV. GIÁO DỤC, VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ 1. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp. 8. Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp huyện, thư viện chuyên ngành, thư	B. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ I. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐIỆN TỬ, CƠ KHÍ, SẢN XUẤT VẬT LIỆU, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>21. Sản xuất sản phẩm công nghệ số.</i> <i>22. Cung cấp dịch vụ công nghệ số.</i> IV. GIÁO DỤC, VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ 1. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, <i>giáo dục đại học.</i> 8. Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp <i>xã huyện</i>, thư viện chuyên ngành, thư	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư để bổ sung ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.	viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.	
25.	Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 55 Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục III	- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ), khu công nghệ số tập trung. - Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ	- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ), khu công nghệ số tập trung. - Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ	Sửa đổi để thống nhất về thuật ngữ “khu công nghệ số tập trung” thay thế cho “khu công nghệ thông tin tập trung” theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số
26.	Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư		1. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại Nghị định này. 2. Thay thế toàn bộ cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Nghị định này. 3. Thay thế toàn bộ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại Nghị định này.	Thay thế để đảm bảo thực hiện theo tên cơ quan quản lý nhà nước sau tổ chức, sắp xếp